



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Số: **ĐA-UBND**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày tháng năm 2025

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành Trung ương Hội nghị lần thứ XI Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

Căn cứ Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Cần Thơ xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã, như sau:

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.

3. Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025.

5. Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

6. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Thành phố Cần Thơ được thành lập ngày 01 tháng 01 năm 2004 và được công nhận là đô thị loại I trực thuộc Trung ương vào ngày 24 tháng 6 năm 2009. Thành phố Cần Thơ nằm ở vùng hạ lưu của Sông Mê Kông và ở vị trí trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), phía Bắc giáp tỉnh An Giang, phía Đông giáp tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long, phía Nam giáp tỉnh Hậu Giang, phía Tây giáp tỉnh Kiên Giang; có tổng diện tích tự nhiên: 1440,40 (km²) và quy mô dân số¹: 1.498.658 (người). Trong đó: dân số thực tế thường trú có 1.360.126 người, dân số tạm trú quy đổi có 138.532 người.

2. Theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã xác định: xây dựng và phát triển Cần Thơ thành thành phố trung tâm vùng, sinh thái, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc sông nước vùng ĐBSCL là nhiệm vụ quan trọng, có ý nghĩa không chỉ về kinh tế - xã hội mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh. Đây là nhiệm vụ không chỉ của riêng Cần Thơ mà còn là nhiệm vụ của cả vùng ĐBSCL và cả nước, trong đó xác định nguồn lực nội tại của Cần Thơ là chủ lực, nguồn lực Trung ương có vai trò hỗ trợ, thúc đẩy nhanh sự phát triển của thành phố Cần Thơ.

3. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu đẩy mạnh phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng thành phố Cần Thơ cơ bản trở thành thành phố công nghiệp, hiện đại, ngoài các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng, vấn đề sắp xếp, ổn định lâu dài hệ thống ĐVHC các cấp của thành phố được đặt ra là một nhiệm vụ cấp bách và có ý nghĩa hết sức quan trọng, nhằm thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp. Theo đó, đối với chính quyền địa phương từng bước thực hiện việc sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại ĐVHC cấp xã chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

¹ Theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp tại Công văn số 189/CATP-QLHC ngày 20 tháng 01 năm 2025.

4. Thành phố Cần Thơ hiện có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt và 04 huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai, Phong Điền; có 80 ĐVHC cấp xã (36 xã, 39 phường và 5 thị trấn). Đối chiếu thực trạng các ĐVHC trên địa bàn thành phố với các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 và các số liệu diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến 31 tháng 12 năm 2024, thành phố Cần Thơ gồm có 76 ĐVHC cấp xã (gồm 33 xã, 38 phường và 05 thị trấn) thuộc diện thực hiện sắp xếp. Trong đó, có 03 xã đã đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

5. Để thực hiện chủ trương của Đảng và các quy định của Nhà nước, UBND thành phố Cần Thơ xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã có ý nghĩa vô cùng cấp thiết cả về mặt lý luận, chủ trương của Đảng, Nhà nước và thực tiễn nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC cấp xã của thành phố phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển chung của cả nước; đảm bảo hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, giảm chi ngân sách; dân số và diện tích của ĐVHC phù hợp với quy định; phát huy nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Tỉnh (thành phố)

a) Diện tích tự nhiên²: 1440,40 (km²);

b) Quy mô dân số³: 1.498.658 (người). Trong đó: dân số thực tế thường trú có 1.360.126 người, dân số tạm trú quy đổi có 138.532 người;

c) Số lượng ĐVHC cấp huyện: có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận và 04 huyện;

² Theo nguồn số liệu thống kê đất đai tính đến 31 tháng 12 năm 2024 do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp.

³ Theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp.

d) Số lượng ĐVHC cấp xã: có 80 ĐVHC cấp xã, gồm 36 xã, 39 phường và 05 thị trấn.

2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp: có 76 ĐVHC cấp xã (gồm 33 xã, 38 phường và 05 thị trấn).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp

Tổng số: có 04 ĐVHC cấp xã, trong đó:

a) Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã⁴) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã theo quy định.

b) Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù: có 01 ĐVHC cấp xã (01 phường)⁵.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập phường Ninh Kiều trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,37 km², quy mô dân số 35.229 người của phường Tân An, toàn bộ diện tích tự nhiên 1,99 km², quy mô dân số 53.607 người của phường Thới Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 2,06 km², quy mô dân số 30.711 người của phường Xuân Khánh thuộc quận Ninh Kiều

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Ninh Kiều có diện tích tự nhiên 5,42 km² (đạt 98,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 119.547 người (đạt 265,66 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Ninh Kiều giáp các phường Cái Khế, Hưng Phú, Tân An.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Ninh Kiều: tại UBND quận Ninh Kiều.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Tân An, Thới Bình, Xuân Khánh có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số/2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban

⁴ Xã Trường Long trên có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

⁵ Phường Tân Lộc có diện tích tự nhiên 33,40 km² và quy mô dân số 35.621 người.

Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (Trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, đánh giá tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này).

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Ninh Kiều tại UBND quận Ninh Kiều với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Ninh Kiều đi vào hoạt động.

2. Thành lập phường Cái Khế trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,79 km², quy mô dân số 27.271 người của phường An Hòa, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,42 km², quy mô dân số 30.087 người của phường Cái Khế thuộc quận Ninh Kiều và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 1,83 km², quy mô dân số 330 người của phường Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào Cái Khế.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Cái Khế có diện tích tự nhiên 10,04 km² (đạt 182,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 57.688 người (đạt 128,20 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Cái Khế giáp các phường Bình Thủy, Tân An, Ninh Kiều, Hưng Phú và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Cái Khế: tại UBND phường An Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường An Hòa, Cái Khế, Bùi Hữu Nghĩa có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Việc điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 1,83 km², quy mô dân số 330 người của phường Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường Cái Khế nhằm giải quyết bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC do phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của chính quyền địa phương.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Cái Khế tại UBND phường An Hòa với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Cái Khế đi vào hoạt động.

3. Thành lập phường Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 4,67 km², quy mô dân số 42.509 người của phường An Khánh và toàn bộ diện tích tự nhiên 3,39 km², quy mô dân số 43.488 người của phường Hưng Lợi thuộc quận Ninh Kiều.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tân An có diện tích tự nhiên 8,06 km² (đạt 146,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 85.997 người (đạt 191,10 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Tân An giáp các phường Cái Khế, Ninh Kiều, An Bình, Long Tuyền, Bình Thủy, Hưng Phú và Cái Răng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tân An: tại UBND phường Hưng Lợi.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường An Khánh, Hưng Lợi có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: do tên địa danh “Tân An” đã có lịch sử hình thành lâu đời, đã gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của thành phố Cần Thơ. Theo “Gia Định thành thông chí, địa bàn An Giang nằm trên 2 huyện: Vĩnh An và Vĩnh Định thuộc phủ Vĩnh Thanh. Trong Huyện Vĩnh Định có tổng Định Bảo với 8 thôn (Nhơn ái, Tân An, Tân Lợi, Tân Thạnh Đông, Thới Bình, Thường Thạnh, Trường Thành; Trường Thạnh), thời kỳ này thôn Tân An thuộc tổng Định Bảo có ranh giới

phía Đông giáp địa phận thôn Đông Phú (tổng Định An); phía Tây giáp địa phận thôn Thới Bình, lại giáp với thôn Bình Thủy (Tổng Định Thới); phía Nam giáp địa phận thôn Thường Thạnh và Nhơn Ái, phía Bắc giáp sông. Năm 1897 thời Pháp Thuộc Tổng Định Bảo có 11 làng: Mỹ Khánh, Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa, Phú Lợi, Tân An, Tân Thạnh Đông, Thạnh An, Thạnh Mỹ, Thới Bình, Thường Thạnh, Thường Thạnh Đông. Việc đặt tên ĐVHC phường mới thành lập thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Tân An tại UBND phường Hưng Lợi với lý do đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Tân An đi vào hoạt động.

4. Thành lập phường An Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,21 km², quy mô dân số 32.436 người của phường An Bình thuộc quận Ninh Kiều; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 17.617 người của xã Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,35 km², quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thường A) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường An Bình.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường An Bình có diện tích tự nhiên 18,39 km² (đạt 334,36 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 50.150 người (đạt 111,44 % so với tiêu chuẩn).

- Phường An Bình giáp các phường Tân An, Cái Răng, Long Tuyền và các xã Nhơn Ái, Phong Điền.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường An Bình: tại UBND phường An Bình.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường An Bình, Long Tuyền và xã Mỹ Khánh có vị trí địa lý liên kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 17.617 người của xã Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,35 km², quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thường A) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường An

Bình là cần thiết nhằm mở rộng không gian phát triển đô thị của phường An Bình mới thành lập, góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời nhằm giải quyết bất hợp lý về phân định địa giới ĐVHC do phát triển kinh tế - xã hội, tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của chính quyền địa phương. Bên cạnh đó, theo Lý lịch di tích lịch sử Lộ Vòng Cung Cần Thơ đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích lịch sử quốc gia tại Quyết định số 677/QĐ-BVHTTDL ngày 07 tháng 02 năm 2013, có nêu: Lộ Vòng Cung có chiều dài gần 30 km nối Quốc lộ 1A từ cầu Cái Răng (khu vực xã An Bình nay thuộc phường An Bình, quận Ninh Kiều) vào huyện Phong Điền, đi qua phường An Bình, phường Long Tuyền, quận Bình Thủy và các xã: Mỹ Khánh, Nhơn Ái, Tân Thới, Giai Xuân, huyện Phong Điền và kết thúc tại lộ rẽ Ba Se, phường Phước Thới, quận Ô Môn. Hiện nay, địa điểm xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa Lộ Vòng Cung Cần Thơ tọa lạc tại xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường An Bình tại UBND phường An Bình với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường An Bình đi vào hoạt động.

5. Thành lập phường Thới An Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 6,48 km², quy mô dân số 9.358 người của phường Trà An, toàn bộ diện tích tự nhiên 12,10 km², quy mô dân số 13.739 người của phường Thới An Đông và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,46 km², quy mô dân số 16.304 người của phường Trà Nóc thuộc quận Bình Thủy.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thới An Đông có diện tích tự nhiên 25,04 km², (đạt 455,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 39.401 người (đạt 87,56 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới An Đông giáp các phường Phước Thới, Bình Thủy, Long Tuyền, xã Phong Điền và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thới An Đông: tại UBND phường Thới An Đông.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Trà An, Thới An Đông, Trà Nóc có vị trí địa lý liên kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (Trường hợp sắp xếp từ 03 đơn vị hành chính cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, đánh giá tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này).

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thới An Đông tại UBND phường Thới An Đông với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thới An Đông đi vào hoạt động.

6. Thành lập phường Bình Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 3,82 km², quy mô dân số 27.193 người của phường An Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,02 km², quy mô dân số 23.416 người của phường Bình Thủy và toàn bộ diện tích tự nhiên 5,33 km², quy mô dân số 11.874 người của phường Bùi Hữu Nghĩa thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh⁶ theo quy định tại khoản 2 mục I phần III văn bản này.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Bình Thủy có diện tích tự nhiên 15,17 km² (đạt 275,82 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 62.483 người (đạt 138,85 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Bình Thủy giáp các phường Thới An Đông, Cái Khế, Tân An, Long Tuyền và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Bình Thủy: tại UBND quận Bình Thủy.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

⁶ Một phần diện tích tự nhiên: 1,83 km², dân số: 330 người của Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) về phường Ninh Kiều.

- Về phương án

+ Các phường An Thới, Bình Thủy, Bùi Hữu Nghĩa có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Bình Thủy tại UBND quận Bình Thủy với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Bình Thủy đi vào hoạt động.

7. Thành lập phường Long Tuyền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 14,30 km², quy mô dân số 21.568 người của phường Long Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,18 km², quy mô dân số 23.724 người của phường Long Tuyền thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh⁷ theo quy định tại khoản 4 mục I phần III văn bản này.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Tuyền có diện tích tự nhiên 28,48 km² (đạt 517,82 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 45.292 người (đạt 100,65 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Long Tuyền giáp các phường Thới An Đông, Bình Thủy, Tân An, An Bình và xã Phong Điền.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Long Tuyền: tại UBND phường Long Tuyền.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

⁷ Một phần diện tích tự nhiên: 0,35 km², dân số: 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thướng A) về phường An Bình.

+ Các phường Long Hòa, Long Tuyền có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Long Tuyền tại UBND phường Long Tuyền với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Long Tuyền đi vào hoạt động.

8. Thành lập phường Cái Răng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 2,43 km², quy mô dân số 21.626 người của phường Lê Bình, toàn bộ diện tích tự nhiên 10,66 km², quy mô dân số 21.558 người của phường Thường Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,66 km², quy mô dân số 7.423 người của phường Ba Láng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,13 km², quy mô dân số 20.499 người của phường Hưng Thạnh thuộc quận Cái Răng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Cái Răng có diện tích tự nhiên 26,88 km² (đạt 488,73 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 71.106 người (đạt 158,01 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Cái Răng giáp các phường An Bình, Tân An, Hưng Phú, Nhơn Ai và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Cái Răng: tại Quận ủy - UBND quận Cái Răng (cũ).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Lê Bình, Thường Thạnh, Hưng Thạnh, Ba Láng có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số

.../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Cái Răng tại Quận ủy - UBND quận Cái Răng (cũ) với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Cái Răng đi vào hoạt động.

9. Thành lập phường Hưng Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10,90 km², quy mô dân số 12.183 người của phường Tân Phú; toàn bộ diện tích tự nhiên 21,33 km², quy mô dân số 25.347 người của phường Phú Thứ và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,70 km², quy mô dân số 21.013 người của phường Hưng Phú thuộc quận Cái Răng.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hưng Phú có diện tích tự nhiên 40,93 km² (đạt 744,18 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 58.543 người (đạt 130,10 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Hưng Phú giáp các phường Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, Cái Răng và tỉnh Hậu Giang, tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hưng Phú: tại UBND quận Cái Răng (mới).

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Tân Phú, Phú Thứ, Hưng Phú có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Hưng Phú tại UBND quận Cái Răng (mới) với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Hưng Phú di vào hoạt động.

10. Thành lập phường Ô Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,80 km², quy mô dân số 25.591 người của phường Châu Văn Liêm; toàn bộ diện tích tự nhiên 7,44 km², quy mô dân số 8.327 người của phường Thới Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,78 km², quy mô dân số 25.681 người của phường Thới An thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,67 km², quy mô dân số 13.813 người của xã Thới Thạnh thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Ô Môn có diện tích tự nhiên 54,69 km² (đạt 994,36 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 73.412 người (đạt 163,14 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Ô Môn giáp các phường Thới Long, Định Môn, Phước Thới và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Ô Môn: tại UBND quận Ô Môn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Châu Văn Liêm, Thới An, Thới Hòa thuộc quận Ô Môn và xã Thới Thạnh thuộc huyện Thới Lai có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Ô Môn tại UBND quận Ô Môn với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Ô Môn đi vào hoạt động.

11. Thành lập phường Thới Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,12 km², quy mô dân số 16.487 người của phường Long Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên 20,66 km², quy mô dân số 24.506 người của phường Thới Long thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 15,32 km², quy mô dân số 11.968 người của phường Tân Hưng thuộc quận Thốt Nốt.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thới Long có diện tích tự nhiên 54,10 km² (đạt 983,64 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 52.979 người (đạt 117,73 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới Long giáp các phường Ô Môn, Thuận Hưng, Tân Lộc và các xã Thới Hưng, Trung Hưng, Định Môn và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thới Long: tại UBND phường Long Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Long Hưng, Thới Long, Tân Hưng có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thới Long tại UBND phường Long Hưng với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thới Long đi vào hoạt động.

12. Thành lập phường Phước Thới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 24,00 km², quy mô dân số 19.347 người của phường Trường Lạc và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,11 km², quy mô dân số 27.441 người của phường Phước Thới thuộc quận Ô Môn.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Phước Thới có diện tích tự nhiên 53,11 km² (đạt 965,64 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 46.788 người (đạt 103,97 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Phước Thới giáp các phường Ô Môn, Thới An Đông, xã Phong Điền, xã Định Môn, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Phước Thới: tại UBND phường Phước Thới,

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Phước Thới, phường Trường Lạc có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Phước Thới tại UBND phường Phước Thới với lý do phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Phước Thới đi vào hoạt động.

13. Thành lập phường Trung Nhứt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,46 km², quy mô dân số 11.941 người của phường Thạnh Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,75 km², quy mô dân số 13.770 người của phường Trung Nhứt thuộc quận Thốt Nốt và điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên 12,63 km², quy mô dân số 11.758 người của xã Trung An thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trung Nhứt có diện tích tự nhiên 30,84 km² (đạt 560,73 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 37.469 người (đạt 83,26 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Trung Nhứt giáp các phường Thốt Nốt, Thuận Hưng và các xã Trung Hưng, Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trinh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Trung Nhứt: tại UBND phường Thạnh Hòa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Việc nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,46 km², quy mô dân số 11.941 người của phường Thạnh Hòa thuộc quận Thốt Nốt và điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên 12,63 km², quy mô dân số 11.758 người của xã Trung An thuộc huyện Cờ Đỏ để nhập vào phường Trung Nhứt là cần thiết nhằm mở rộng không gian phát triển đô thị của phường Trung Nhứt mới thành lập, góp phần tăng quy mô đơn vị hành chính, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời trước đây phường Thạnh Hòa được thành lập trên cơ sở điều chỉnh 556,64 ha diện tích tự nhiên và 5.377 nhân khẩu của xã Trung Nhứt; 186 ha diện tích tự nhiên và 2.755 nhân khẩu còn lại của xã Trung An; thành lập phường Trung Nhứt thuộc quận Thốt Nốt trên cơ sở 1.123,30 ha diện tích tự nhiên và 12.708 nhân khẩu còn lại của xã Trung Nhứt theo Nghị định số 12/NĐ-CP ngày 23/12/2008 của Chính phủ.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 (Trường hợp sắp xếp từ 03 ĐVHC cấp xã trở lên thành 01 xã, phường mới thì không phải xem xét, đánh giá tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này).

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Trung Nhứt tại UBND phường Thạnh Hòa với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Trung Nhứt đi vào hoạt động.

14. Thành lập phường Thốt Nốt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,07 km², quy mô dân số 15.850 người của phường Thuận An; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 25.146 người của phường Thới Thuận và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,71 km², quy mô dân số 20.391 người của phường

Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt sau khi điều chỉnh^{*} theo quy định tại khoản 15 mục I phần III văn bản này thuộc quận Thốt Nốt.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thốt Nốt có diện tích tự nhiên 23,61 km² (đạt 429,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 61.387 người (đạt 136,42 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới Thuận giáp các phường Tân Lộc, Trung Nhứt, Thuận Hưng, xã Vĩnh Trinh, tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thốt Nốt: tại Quận ủy Thốt Nốt.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Thuận An, Thới Thuận, Thốt Nốt có vị trí địa lý liên kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thốt Nốt tại Quận ủy Thốt Nốt với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thốt Nốt đi vào hoạt động.

15. Thành lập phường Thuận Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 15,14 km², quy mô dân số 28.840 người của phường Trung Kiên; toàn bộ diện tích tự nhiên 15,05 km², quy mô dân số 23.249 người của phường Thuận Hưng và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người (khu vực Phụng Thạnh 1) thuộc phường Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.

a) Kết quả sau sắp xếp

^{*} Một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người của phường Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.

- Phường Thuận Hưng có diện tích tự nhiên 31,13 km² (đạt 566,0 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 56.878 người (đạt 126,40 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới Thuận giáp các phường Tân Lộc, Thới Long, Trung Nhứt, Thốt Nốt và xã Trung Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thuận Hưng: tại UBND quận Thốt Nốt.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các phường Thuận Hưng, Trung Kiên, Thốt Nốt có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của phường mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của phường Thuận Hưng tại UBND quận Thốt Nốt với lý do nằm ở trung tâm của phường mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Thuận Hưng đi vào hoạt động.

16. Thành lập phường Tân Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 33,40 km², quy mô dân số 35.621 người hiện có của phường Tân Lộc thuộc huyện Thốt Nốt.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tân Lộc có diện tích tự nhiên 33,40 km² (đạt 607,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.621 người (đạt 79,16 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Tân Lộc giáp các phường Thới Long, Thuận Hưng, Thốt Nốt và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tân Lộc: tại UBND phường Tân Lộc.

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

Phường Tân Lộc là một Cù lao được Sông Hậu bao bọc xung quanh (phía Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp; phía Đông tiếp giáp với tỉnh Đồng Tháp; phía Tây giáp phường Thuận An, phường Thốt Nốt, phường Trung Kiên, phường Thuận Hưng thuộc quận Thốt Nốt và phường Thới Long thuộc quận Ô Môn; phía Nam giáp phường Thới Long - quận Ô Môn). Đây là ĐVHC cấp xã duy nhất của thành phố Cần Thơ có yếu tố đặc thù về vị trí địa lý biệt lập và khó tổ chức giao thông kết nối với các ĐVHC liền kề khác của quận Thốt Nốt và các địa phương khác. Việc đi lại giao thương với các phường phải qua các đò và phà, trên toàn địa bàn phường cơ sở hạ tầng còn yếu và thiếu nhất là hệ thống giao thông.

Đặc biệt hơn, ĐVHC phường Tân Lộc lại mang nhiều yếu tố đặc thù của địa phương cần được bảo tồn, gìn giữ và cần có sự định phương phát triển riêng biệt như: quá trình khai phá, sinh sống, định cư của người dân địa phương, truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo, tập quán sản xuất kinh tế,... đã hình thành từ rất lâu, có nhiều nét đặc sắc, chứa đựng yếu tố bản địa riêng của địa phương. Trường hợp nếu sắp xếp, điều chỉnh, sáp nhập ĐVHC phường Tân Lộc với các ĐVHC liền kề khác sẽ không đảm bảo phù hợp với các yếu tố đặc thù nêu trên của địa phương, sẽ gặp nhiều khó khăn trong công tác quản lý và phát triển kinh tế - xã hội của ĐVHC phường mới sau sắp xếp.

Do đó, giữ nguyên trạng để thành lập ĐVHC cấp cơ sở mới và lấy tên là phường Tân Lộc nhằm đảm bảo sự ổn định của ĐVHC phường.

- Về tên gọi: Giữ nguyên tên đơn vị hành chính cấp xã là phường Tân Lộc.

- Về trụ sở: đặt tại UBND phường Tân Lộc, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của phường Tân Lộc đi vào hoạt động.

17. Thành lập xã Phong Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,82 km², quy mô dân số 18.150 người của xã Tân Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 19,63 km², quy mô dân số 19.234 người của xã Giai Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,13 km², quy mô dân số 14.565 người của thị trấn Phong Điền thuộc huyện Phong Điền.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phong Điền có diện tích tự nhiên 45,58 km² (đạt 151,93 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 51.949 người (đạt 324,68 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Phong Điền giáp các phường Phước Thới, Thới An Đông, Long Tuyền, An Bình và các xã Nhơn Ái, Trường Long, Định Môn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phong Điền: tại Huyện ủy Phong Điền.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Tân Thới, Giai Xuân và thị trấn Phong Điền có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy

định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Phong Điền tại Huyện ủy Phong Điền với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Phong Điền đi vào hoạt động.

18. Thành lập xã Nhơn Ái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,28 km², quy mô dân số 17.664 người của xã Nhơn Ái và toàn bộ diện tích tự nhiên 21,88 km², quy mô dân số 23.043 người của xã Nhơn Nghĩa thuộc huyện Phong Điền.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nhơn Ái có diện tích tự nhiên 38,16 km² (đạt 127,20 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.707 người (đạt 254,42 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Nhơn Ái giáp các phường An Bình, Cái Răng và các xã Trường Long, Phong Điền và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nhơn Ái: tại UBND xã Nhơn Nghĩa.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Nhơn Ái, Nhơn Nghĩa có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ

sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Nhơn Ái tại UBND xã Nhơn Ái với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Nhơn Ái đi vào hoạt động.

19. Thành lập xã Trường Long trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người hiện có của xã Trường Long thuộc huyện Phong Điền.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trường Long có diện tích tự nhiên 31,01 km² (đạt 103,37 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.064 người (đạt 150,40 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Trường Long giáp các xã Nhơn Ái, Phong Điền, Định Môn và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trường Long: tại UBND xã Trường Long.

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC

- Về phương án: Xã Trường Long có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người. Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 quy định: “Xã hình thành sau sắp xếp không thuộc điểm a khoản này có quy mô dân số đạt từ 200% trở lên và diện tích tự nhiên đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính”. Do đó, xã Trường Long đã đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô dân số theo quy định.

- Về tên gọi: Giữ nguyên tên đơn vị hành chính cấp xã là xã Trường Long.

- Về trụ sở: đặt tại UBND xã Trường Long, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Trường Long đi vào hoạt động.

20. Thành lập xã Thới Lai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,13 km², quy mô dân số 8.873 người của xã Thới Tân, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,96 km², quy mô dân số 14.285 người của xã Trường Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,69 km², quy mô dân số 13.213 người của thị trấn Thới Lai thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thới Lai có diện tích tự nhiên 50,78 km² (đạt 169,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.371 người (đạt 227,32 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thới Lai giáp các xã Định Môn, Trường Xuân, Đông Thuận và Đông Hiệp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thới Lai: tại Huyện ủy Thới Lai.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Thới Tân, Trường Thắng và thị trấn Thới Lai có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Thới Lai tại Huyện ủy Thới Lai với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thới Lai đi vào hoạt động.

21. Thành lập xã Đông Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 29,60 km², quy mô dân số 11.467 người của xã Đông Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 31,29 km², quy mô dân số 13.119 người của xã Đông Thuận thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đông Thuận có diện tích tự nhiên 60,89 km² (đạt 202,97 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.586 người (đạt 153,66 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Đông Thuận giáp các xã Trường Xuân, Thới Lai, Đông Hiệp, Cờ Đỏ và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đông Thuận: tại UBND xã Đông Thuận.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Đông Bình, Đông Thuận có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Đông Thuận tại UBND xã Đông Thuận với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Đông Thuận đi vào hoạt động.

22. Thành lập xã Trường Xuân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,68 km², quy mô dân số 9.137 người của xã Trường Xuân A, toàn bộ diện tích tự nhiên 20,27 km², quy mô dân số 9.435 người của xã Trường Xuân B và toàn bộ diện tích tự nhiên 28,99 km², quy mô dân số 17.833 người của xã Trường Xuân thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trường Xuân có diện tích tự nhiên 67,94 km² (đạt 226,47 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.405 người (đạt 227,53 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Trường Xuân giáp các xã Đông Thuận, Thới Lai, Định Môn, tỉnh Hậu Giang và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trường Xuân: tại UBND xã Trường Xuân.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Trường Xuân A, Trường Xuân B, Trường Xuân có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm

2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Trường Xuân tại UBND xã Trường Xuân với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Trường Xuân đi vào hoạt động.

23. Thành lập xã Định Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,35 km², quy mô dân số 9.278 người của xã Tân Thạnh, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,27 km², quy mô dân số 13.955 người của xã Định Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 19,47 km², quy mô dân số 14.569 người của xã Trường Thành thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Định Môn có diện tích tự nhiên 59,09 km² (đạt 196,97 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 37.802 người (đạt 236,26 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Định Môn giáp các phường Ô Môn, Phước Thới, Thới Long và các xã Phong Điền, Trường Long, Thới Lai, Trường Xuân, Đông Hiệp, Thới Hưng và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Định Môn: tại UBND xã Định Môn.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Tân Thạnh, Định Môn, Trường Thành có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Định Môn tại UBND xã Định Môn với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Định Môn đi vào hoạt động.

24. Thành lập xã Cờ Đỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 19,54 km², quy mô dân số 7.147 người của xã Thới Đông; toàn bộ diện tích tự nhiên 16,75 km², quy mô dân số 10.403 người của xã Thới Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,30 km², quy mô dân số 24.626 người của thị trấn Cờ Đỏ thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cờ Đỏ có diện tích tự nhiên 44,59 km² (đạt 148,63 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 42.176 người (đạt 263,60 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Cờ Đỏ giáp các xã Đông Hiệp, Đông Thuận, Thạnh Phú, Thới Hưng và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Cờ Đỏ: tại Huyện ủy Cờ Đỏ.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Thới Đông, Thới Xuân và thị trấn Cờ Đỏ có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Cờ Đỏ tại Huyện ủy Cờ Đỏ với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Cờ Đỏ đi vào hoạt động.

25. Thành lập xã Đông Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,26 km², quy mô dân số 6.211 người của xã Đông Thắng; toàn bộ diện tích tự nhiên 16,35 km², quy mô dân số 8.069 người của xã Đông Hiệp thuộc huyện Cờ Đỏ và toàn bộ diện tích tự nhiên 13,64 km², quy mô dân số 8.482 người của xã Xuân Thắng thuộc huyện Thới Lai.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đông Hiệp có diện tích tự nhiên 46,25 km² (đạt 154,17 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 22.762 người (đạt 142,26 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Đông Hiệp giáp các xã Thới Lai, Định Môn, Thới Hưng, Cờ Đỏ và Đông Thuần.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đông Hiệp: tại UBND xã Đông Hiệp.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Đông Thắng, Đông Hiệp thuộc huyện Cờ Đỏ và xã Xuân Thắng thuộc huyện Thới Lai có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số/2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Đông Hiệp tại UBND xã Đông Hiệp với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Đông Hiệp đi vào hoạt động.

26. Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người hiện có của xã Thạnh Phú thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km² (đạt 330,23 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 25.699 người (đạt 160,62 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thạnh Phú giáp các xã Trung Hưng, Thới Hưng, Cờ Đỏ, Thạnh An, Thạnh Quới, Vĩnh Thạnh và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thạnh Phú: tại UBND xã Thạnh Phú.

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC

- Về phương án: Xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người. Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số/2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp

xếp ĐVHC năm 2025 quy định: “Xã hình thành sau sắp xếp không thuộc điểm a khoản này có quy mô dân số đạt từ 200% trở lên và diện tích tự nhiên đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính”. Do đó, xã Thanh Phú đã đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô dân số theo quy định.

- Về tên gọi: Giữ nguyên tên đơn vị hành chính cấp xã là xã Thanh Phú.

- Về trụ sở: đặt tại UBND xã Thanh Phú, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thanh Phú đi vào hoạt động.

27. Thành lập xã Thới Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người hiện có của xã Thới Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km² (đạt 233,07 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 19.044 người (đạt 119,03 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thới Hưng giáp các phường Thới Long và các xã Định Môn, Đông Hiệp, Cờ Đỏ, Thanh Phú và Trung Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thới Hưng: tại UBND xã Thới Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc không thực hiện sắp xếp ĐVHC

- Về phương án: Xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người. Căn cứ tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025 quy định: “Xã hình thành sau sắp xếp không thuộc điểm a khoản này có quy mô dân số đạt từ 200% trở lên và diện tích tự nhiên đạt từ 100% trở lên tiêu chuẩn của xã tương ứng quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính”. Do đó, xã Thới Hưng đã đảm bảo tiêu chuẩn về quy mô dân số theo quy định.

- Về tên gọi: Giữ nguyên tên đơn vị hành chính cấp xã là xã Thới Hưng.

- Về trụ sở: đặt tại UBND xã Thới Hưng, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thới Hưng đi vào hoạt động.

28. Thành lập xã Trung Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 25,23 km², quy mô dân số 29.422 người của xã Trung Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,84 km², quy mô dân số 25.590 người của xã Trung Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trung Hưng có diện tích tự nhiên 61,07 km² (đạt 203,57 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 55.012 người (đạt 343,83 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Trung Hưng giáp các phường Trung Nhứt, Thuận Hưng, Thới Long và các xã Thới Hưng, Thanh Phú, Vĩnh Thạnh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trung Hưng: tại UBND xã Trung Hưng.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Trung Thạnh, Trung Hưng có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Trung Hưng tại UBND xã Trung Hưng với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Trung Hưng đi vào hoạt động.

29. Thành lập xã Vĩnh Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,27 km², quy mô dân số 14.833 người của xã Thạnh Lộc; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,13 km², quy mô dân số 8.561 người của xã Thạnh Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,50 km², quy mô dân số 7.128 người của thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vĩnh Thạnh có diện tích tự nhiên 65,90 km² (đạt 219,67 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.522 người (đạt 190,76 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Vĩnh Thạnh giáp các xã Vĩnh Trinh, Trung Hưng, Thạnh Phú, Thạnh Quới, phường Trung Nhứt và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thạnh: tại UBND huyện Vĩnh Thạnh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Thạnh Lộc, Thạnh Mỹ và thị trấn Vĩnh Thạnh có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy

định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thạnh tại UBND huyện Vĩnh Thạnh với lý do nằm ở trung tâm của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Vĩnh Thạnh đi vào hoạt động.

30. Thành lập xã Vĩnh Trinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21,78 km², quy mô dân số 7.616 người của xã Vĩnh Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,23 km², quy mô dân số 19.410 người của xã Vĩnh Trinh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vĩnh Trinh có diện tích tự nhiên 51,01 km² (đạt 170,03 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 27.026 người (đạt 168,91 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Vĩnh Trinh giáp các phường Thốt Nốt, Trung Nhứt, xã Vĩnh Thạnh và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Trinh: tại UBND xã Vĩnh Trinh.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Vĩnh Bình, Vĩnh Trinh có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Trinh tại UBND xã Vĩnh Trinh với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Vĩnh Trinh đi vào hoạt động.

31. Thành lập xã Thanh An trên cơ sở nhập toàn bộ toàn bộ diện tích tự nhiên 43,82 km², quy mô dân số 9.335 người của xã Thanh Lợi và toàn bộ diện tích tự nhiên 23,50 km², quy mô dân số 7.320 người của xã Thanh Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 18,65 km², quy mô dân số 14.027 người của thị trấn Thanh An, thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh An có diện tích tự nhiên 85,97 km² (đạt 286,57 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.682 người (đạt 191,76 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thanh An giáp các xã Thanh Quới, Thanh Phú và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh An: tại UBND thị trấn Thanh An.

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Thanh Lợi, Thanh Thắng và thị trấn Thanh An có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Thanh An tại UBND thị trấn Thanh An với lý do xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thanh An đi vào hoạt động.

32. Thành lập xã Thạnh Quới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 22,97 km², quy mô dân số 11.463 người của xã Thạnh Tiến; toàn bộ diện tích tự nhiên 45,33 km², quy mô dân số 9.490 người của xã Thạnh An và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,56 km², quy mô dân số 18.157 người của xã Thạnh Quới thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

a) Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thạnh Quới có diện tích tự nhiên 103,86 km² (đạt 346,20 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 39.110 người (đạt 244,44 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thạnh Quới giáp các xã Vĩnh Thạnh, Thạnh Phú, Thạnh An và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thạnh Quới: tại UBND xã Thạnh Quới

b) Cơ sở và lý do của việc sắp xếp ĐVHC

- Về phương án

+ Các xã Thạnh Tiến, Thạnh An, Thạnh Quới có vị trí địa lý liền kề nhau, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và đều thuộc diện thực hiện sắp xếp theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

+ Tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp đảm bảo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày .../4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025.

- Về tên gọi: thực hiện đúng theo quy định Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; Điều 7 Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025. Theo đó, tên gọi của xã mới hình thành sau sắp xếp phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống, văn hóa của địa phương và được Nhân dân địa phương ủng hộ.

- Về trụ sở: đặt trụ sở làm việc của xã Thạnh Quới tại UBND xã Thạnh Quới với lý do của xã mới thành lập, đủ rộng đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị kỹ thuật sau khi chính quyền của xã Thạnh An đi vào hoạt động.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Số lượng ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp: thành phố Cần Thơ có 80 ĐVHC cấp xã (gồm: 36 xã, 39 phường và 05 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp: thành phố Cần Thơ còn 32 ĐVHC cấp xã (gồm 16 phường, 16 xã).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: thành phố Cần Thơ giảm 44 ĐVHC cấp xã (gồm 17 xã, 22 phường và 05 thị trấn); có 03 ĐVHC cấp xã

(03 xã⁹) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC

a) Tổ chức Đảng

Căn cứ quy định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương để thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy thành phố.

b) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

Thành lập, quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của tổ chức theo các quy định của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và hướng dẫn của các tổ chức chính trị - xã hội cấp Trung ương.

c) Tổ chức chính quyền địa phương sau khi sắp xếp các ĐVHC thực hiện theo quy định của pháp luật về Tổ chức chính quyền địa phương.

*** HĐND của ĐVHC cấp xã mới thành lập**

- Khóa của HĐND được tiếp tục tính theo khóa của HĐND ở ĐVHC được giữ nguyên tên gọi sau sắp xếp;

- Nhập nguyên trạng các Ban của HĐND cấp xã có cùng chức năng, nhiệm vụ với nhau.

*** UBND của ĐVHC cấp xã mới thành lập**

- Rà soát, sắp xếp tổ chức các trường học trên địa bàn ĐVHC thuộc phạm vi sắp xếp để nghiên cứu, điều chỉnh, tổ chức lại mạng lưới các trường học cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC, không làm ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học;

- Rà soát, điều chỉnh, tổ chức lại mạng lưới y tế cho phù hợp với sắp xếp ĐVHC, duy trì các hoạt động khám, chữa bệnh tại các địa bàn; sau khi thành lập ĐVHC mới, xem xét việc bố trí cơ sở khám, chữa bệnh để phục vụ nhân dân đảm bảo hợp lý, thuận lợi.

2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC

⁹ Xã Trường Long trên có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thanh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

a) Bố trí số lượng CBCC của ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số CBCC có mặt tại các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

b) Bố trí số lượng CBCC của ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số CBCC có mặt tại các ĐVHC cấp xã trước sắp xếp và số lượng CBCC cấp huyện được bố trí xuống làm việc tại ĐVHC cấp xã mới;

c) Bố trí số lượng lãnh đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp xã mới sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số lãnh đạo, quản lý có mặt của cơ quan, tổ chức ĐVHC cấp xã trước sắp xếp;

d) Số lượng lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC cấp xã mới thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC cấp xã có hiệu lực thi hành, số lượng lãnh đạo, quản lý và CBCC, NLD của các cơ quan, tổ chức ở ĐVHC sau sắp xếp được thực hiện theo đúng quy định cấp có thẩm quyền.

3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tính giảm biên chế cán bộ, công chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC

a) Thực hiện bảo lưu các chế độ, chính sách về tiền lương và phụ cấp chức vụ lãnh đạo đối với những người được tiếp tục làm việc nhưng không giữ các chức vụ trước đây cho đến hết nhiệm kỳ bầu cử (đối với những người giữ chức vụ do bầu cử) hoặc hết thời hạn bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với những người giữ chức vụ do bổ nhiệm). Trường hợp thời hạn còn lại của nhiệm kỳ bầu cử hoặc thời hạn bổ nhiệm dưới 06 tháng thì được bảo lưu tròn 06 tháng. Sau khi hết thời hạn được bảo lưu thì lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) được thực hiện theo chức vụ, chức danh hiện giữ hoặc giải quyết nghỉ chế độ theo quy định;

b) CBCC, NLD dôi dư của cơ quan, tổ chức do sắp xếp ĐVHC cấp xã, tùy từng trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của ĐVHC mới thành lập theo yêu cầu nhiệm vụ hoặc hưởng các chế độ, chính sách đối với người nghỉ hưu, thôi việc, tính giảm biên chế theo quy định của Chính phủ;

c) Căn cứ quy định chế độ, chính sách của Chính phủ, UBND cấp tỉnh kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách tính giảm biên chế đối với CBCC, NLD của cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC đảm bảo đúng đối tượng và quyền, lợi ích của CBCC, NLD chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC.

VI. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

2. Cấp chính quyền địa phương nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động, cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ cho hoạt động của ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp;

3. Sắp xếp, bố trí nhà ở công vụ cho đội ngũ CBCC, NLD của các ĐVHC cùng sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại ĐVHC mới sau sắp xếp.

VII. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP XÃ HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Người dân, CBCC, NLD trên địa bàn ĐVHC sau sắp xếp tiếp tục hưởng chế độ, chính sách đặc thù áp dụng theo vùng, theo khu vực hoặc theo ĐVHC như thời điểm trước khi thực hiện sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cấp có thẩm quyền.

2. Giữ nguyên phạm vi, đối tượng và nội dung của các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và địa phương áp dụng đối với ĐVHC như trước thời điểm sắp xếp cho đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

VIII. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy

a) Chỉ đạo, hướng dẫn về việc kiện toàn các chức danh cán bộ; về tổ chức và hoạt động của tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội của ĐVHC cấp xã sau sắp xếp;

b) Hướng dẫn công tác chuẩn bị đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 đối với ĐVHC cấp xã sau khi được sắp xếp.

2. Sở Nội vụ

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của UBND thành phố; đón tiếp các ngành, địa phương trong triển khai thực hiện Đề án, đảm bảo đúng tiến độ;

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, đề xuất, tham mưu UBND thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các Sở, ngành và UBND cấp cơ sở sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi thực hiện sắp xếp; hướng dẫn việc giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC cấp xã;

c) Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy xây dựng Kế hoạch, lộ trình thực hiện việc sắp xếp số lượng lãnh đạo, quản lý, số lượng cán bộ, công chức, viên chức đối dư gắn với tình giãn biên chế sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã đảm bảo lộ trình quy định của Trung ương;

d) Tham mưu lập thủ tục việc lập mới, chỉnh lý, bổ sung hồ sơ, bản đồ địa giới ĐVHC liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC cấp xã; thực hiện phân loại ĐVHC, thực hiện hồ sơ đề nghị xã An toàn khu theo quy định. Đồng thời, theo

đổi, kiểm tra quá trình thực hiện của các đơn vị, kịp thời báo cáo đề xuất UBND thành phố những vấn đề phát sinh, vướng mắc;

đ) Chủ trì, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chính sách thuộc lĩnh vực lao động - xã hội và các chính sách đối với người có công,... sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã và các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Hướng dẫn cơ quan, địa phương rà soát, chỉnh lý hồ sơ địa chính sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã do thay đổi đường địa giới hành chính và tên gọi của ĐVHC sau khi thực hiện sắp xếp;

b) Chủ trì, hướng dẫn rà soát, bổ sung thực hiện các chính sách theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023 - 2030 sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; đồng thời, hướng dẫn việc công nhận các xã hình thành sau sắp xếp đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan;

c) Chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc phối hợp hướng dẫn thực hiện điều chỉnh biến động Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đúng theo quy định pháp luật về đất đai.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, sở, ngành và địa phương liên quan tham mưu triển khai các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với các nhiệm vụ có liên quan đến việc quy hoạch của thành phố sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã;

b) Rà soát, báo cáo đề xuất UBND thành phố tạm dừng phê duyệt, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

c) Tham mưu, hướng dẫn việc thực hiện nguồn vốn đầu tư công tại các ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp và việc chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC khi thực hiện sắp xếp;

d) Tổng hợp, thẩm định dự toán kinh phí theo đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương (nếu có), báo cáo, tham mưu đề xuất UBND thành phố bố trí nguồn kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã theo quy định pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính;

đ) Hướng dẫn cơ quan, đơn vị, địa phương về dự toán, việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã; việc xử lý tài sản, trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, phương án sử dụng trụ sở công sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; việc thực hiện quy định về miễn phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp do thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC khi thực hiện sắp xếp;

5. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với sở, ngành, địa phương trong quá trình xây dựng Phương án, Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã khi triển khai các nhiệm vụ được giao về thực hiện các quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trên địa bàn thành phố theo quy định;

b) Chủ trì thẩm định, hướng dẫn địa phương rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch chung, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn trình cấp có thẩm quyền theo quy định để bảo đảm sự thống nhất giữa các quy hoạch này với phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố;

c) Chủ trì, tham mưu UBND thành phố các nội dung công việc triển khai theo thẩm quyền và nhiệm vụ của từng sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan đến lĩnh vực quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, phân loại đô thị, chính sách nhà ở đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC cấp xã theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

6. Sở Tư pháp

Hướng dẫn địa phương thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác phổ biến pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm khi thực hiện thay đổi địa giới, tên gọi ĐVHC khi thực hiện sắp xếp;

7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành, địa phương, các cơ quan báo chí, truyền thông/công thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị để tổ chức thông tin, tuyên truyền sâu rộng các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động trực quan, thông tin lưu động và các hình thức tuyên truyền phù hợp khác,... nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, của các ngành, các cấp, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và Nhân dân trong việc thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã;

b) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra và phát hiện xử lý nghiêm hành vi phát tán thông tin sai trái, xuyên tạc làm hoang mang trong Nhân dân, ảnh hưởng tiêu cực đến việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị;

c) Chủ trì, hướng dẫn thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và thực hiện việc xác định ĐVHC hình thành sau sắp xếp có di tích được công nhận, xếp hạng là di sản hoặc di tích lịch sử và các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

8. Công an thành phố

a) Chỉ đạo công tác an ninh, giữ gìn trật tự xã hội của địa phương trong quá trình tiến hành lấy ý kiến cử tri. Kịp thời báo cáo, đề xuất UBND thành phố chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an ninh chính trị trong quá trình sắp xếp ĐVHC cấp xã; chỉ đạo việc sắp xếp, bố trí số lượng Công an sau sắp xếp ĐVHC cấp xã;

b) Hướng dẫn, thực hiện thu hồi con dấu cũ, khắc con dấu mới của cơ

quan, tổ chức, đơn vị sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; hướng dẫn việc chuyển đổi địa chỉ cư trú của công dân do thay đổi địa giới và tên gọi ĐVHC sau sắp xếp;

c) Tiếp tục duy trì, củng cố lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi sắp xếp ĐVHC; xây dựng Kế hoạch bố trí, sắp xếp đội ngũ công an chính quy sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã;

9. Bộ Chỉ huy quân sự thành phố

a) Cung cấp danh sách các ĐVHC có vị trí trọng yếu về quốc phòng; hướng dẫn và thực hiện việc rà soát, xác định ĐVHC cấp xã được thành lập mới sau sắp xếp là đơn vị trọng điểm về quốc phòng;

b) Chỉ đạo Ban Chỉ huy quân sự cấp dưới phối hợp với UBND cùng cấp xây dựng kế hoạch bố trí, sắp xếp chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự và hướng dẫn về tổ chức lực lượng dân quân tự vệ sau sắp xếp ĐVHC cấp xã.

10. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan tham mưu UBND thành phố trong việc tổ chức công tác khoa học, công nghệ, thông tin, truyền thông có liên quan để phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước triển khai các nhiệm vụ, công việc thực hiện sắp xếp ĐVHC, hiện đại hóa tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức các cấp trong hệ thống chính trị thành phố.

11. Sở Y tế

Chủ trì, hướng dẫn việc sắp xếp cơ quan, đơn vị y tế thuộc thẩm quyền quản lý, cán bộ dân số kế hoạch hóa gia đình của địa phương sau sắp xếp ĐVHC cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

12. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo rà soát, đề xuất việc sắp xếp hợp lý các cơ sở giáo dục công lập của địa phương sau sắp xếp ĐVHC cấp xã và thực hiện các nhiệm vụ, công việc có liên quan theo hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương.

13. Sở, ban, ngành thành phố

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu UBND thành phố triển khai các nội dung liên quan đến việc sắp xếp ĐVHC các cấp theo chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố;

b) Chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh các quy hoạch liên quan đến ngành, lĩnh vực, phù hợp với việc điều chỉnh, sắp xếp ĐVHC tại thành phố;

c) Hướng dẫn công tác bàn giao, tiếp nhận và chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội cấp thành phố

a) Tổ chức tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội, các cấp, các ngành; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân địa phương

trên địa bàn về chủ trương sắp xếp ĐVHC của thành phố;

b) Phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố.

15. UBND quận, huyện

a) Căn cứ chỉ đạo của Thành ủy, UBND thành phố, hướng dẫn của Sở Nội vụ và cơ quan liên quan tiến hành rà soát, xây dựng phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau khi thực hiện sắp xếp ĐVHC để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Chỉ đạo UBND cấp xã rà soát, lập phương án sắp xếp, bàn giao, quản lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý tài liệu lưu trữ ở các cơ quan, đơn vị, địa phương mới thành lập sau sắp xếp;

c) Chỉ đạo cơ quan, địa phương trên địa bàn đảm bảo tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương vẫn thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, thông suốt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền trong suốt quá trình tổ chức thực hiện sắp xếp ĐVHC các cấp.

16. UBND cấp xã

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền việc thực hiện các chủ trương, quy định pháp luật về sắp xếp ĐVHC các cấp nhằm tạo sự đồng thuận, ủng hộ cao trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân ở địa phương;

b) Chủ động rà soát, báo cáo cấp thẩm quyền các nội dung liên quan đến công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại ĐVHC cấp cơ sở khi thực hiện sắp xếp; phối hợp thực hiện hiện giải quyết chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu sự tác động do sắp xếp ĐVHC;

c) Tạo điều kiện cho người dân trong sinh hoạt và giao dịch ở ĐVHC cấp cơ sở mới hình thành sau khi sắp xếp; thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho người dân, doanh nghiệp theo thẩm quyền được quy định;

d) Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả ở địa phương đảm bảo liên tục, thông suốt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định sau khi sắp xếp ĐVHC cấp xã.

IX. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Việc thực Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ là cần thiết, cơ bản đáp ứng theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3

năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nhằm để điều chỉnh lại diện tích tự nhiên, dân số cho phù hợp với Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

2. Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương của Trung ương, thành phố. Khi sắp xếp ĐVHC cấp xã; thành phố Cần Thơ giảm 44 ĐVHC cấp xã (gồm 17 xã, 22 phường và 05 thị trấn); có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã¹⁰) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định; đồng thời, giảm số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, tạo điều kiện giảm chi ngân sách nhà nước, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho ĐVHC cấp xã mới thành lập.

Trên đây là Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ. UBND thành phố Cần Thơ kính trình Chính phủ xem xét, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ;
- TT. TU, TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- UBND TP và các đoàn thể;
- Ban Tổ chức Thành ủy;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND TP;
- Công an TP;
- Bộ Chỉ huy Quân sự TP;
- VP UBND TP (2AC, 3E);
- Công TTĐT TP;
- Lưu: VT, LHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Cảnh Tuyên

¹⁰ Xã Trường Long trên có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thanh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ HIỆN NAY

(Kèm theo Đề án số .../ĐA-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố

về sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	QUẬN NINH KIỀU	28,90		239.876					
1	Phường An Bình	7,21	131,09	25.435	169,57				X
2	Phường An Hòa	1,79	32,55	25.831	172,21				X
3	Phường An Khánh	4,67	84,91	34.929	232,86				X
4	Phường Cái Khế	6,42	116,73	22.019	146,79				X
5	Phường Hưng Lợi	3,39	61,64	32.524	216,83				X
6	Phường Tân An	1,37	24,91	28.730	191,53				X
7	Phường Thới Bình	1,99	36,18	51.703	344,69				X
8	Phường Xuân Khánh	2,06	37,45	18.705	124,70				X
II	QUẬN BÌNH THỦY	70,87		131.223					
1	Phường An Thới	3,82	69,45	20.886	139,24				X
2	Phường Bình Thủy	6,02	109,45	21.879	145,86				X
3	Phường Búi Hâu Nghĩa	7,16	130,18	12.033	80,22				X
4	Phường Long Hòa	14,30	260,00	21.454	143,03				X
5	Phường Long Tuyền	14,53	264,18	21.549	143,66				X
6	Phường Thới An Đông	12,10	220,00	13.138	87,59				X
7	Phường Trà An	6,48	117,82	7.498	49,99				X
8	Phường Trà Nóc	6,46	117,45	12.786	85,24				X
III	QUẬN CÁI RĂNG	67,81		110.141					

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
1	Phường Ba Lãng	4,66	84,73	6.735	44,90				X
2	Phường Hưng Phú	8,70	158,18	19.993	133,29				X
3	Phường Hưng Thạnh	9,13	166,00	15.766	105,11				X
4	Phường Lê Bình	2,43	44,18	16.672	111,15				X
5	Phường Phú Thù	21,33	387,82	23.684	157,89				X
6	Phường Tân Phú	10,90	198,18	9.480	63,20				X
7	Phường Thường Thạnh	10,66	193,82	17.811	118,74				X
IV	QUẬN Ô MÔN	131,91		146.320					
1	Phường Châu Văn Liêm	8,80	160,00	24.923	166,15				X
2	Phường Long Hưng	18,12	329,45	16.458	109,72				X
3	Phường Phước Thới	29,11	529,27	27.340	182,27				X
4	Phường Thới An	23,78	432,36	25.627	170,85				X
5	Phường Thới Hòa	7,44	135,27	8.239	54,93				X
6	Phường Thới Long	20,66	375,64	24.437	162,91				X
7	Phường Trường Lạc	24,00	436,36	19.296	128,64				X
V	QUẬN THỚI NÓT	121,67		182.206					
1	Phường Tân Hưng	15,32	278,55	11.868	79,12				X
2	Phường Tân Lộc	33,40	607,27	35.519	236,79				
3	Phường Thạnh Hòa	7,46	135,64	11.876	79,17				X
4	Phường Thới Nốt	5,65	102,73	24.903	166,02				X
5	Phường Thới Thuận	10,83	196,91	18.590	123,93				X
6	Phường Thuận An	8,07	146,73	15.559	103,73				X
7	Phường Thuận Hưng	15,05	273,64	22.922	152,81				X
8	Phường Trung Kiên	15,14	275,27	27.932	186,21				X
9	Phường Trung Nhứt	10,75	195,45	13.037	86,91				X
VI	HUYỆN PHONG ĐIỀN	125,58		126.435					
1	Thị trấn Phong Điền	8,13	58,07	13.337	166,71				X

Số TT	Tên DVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
2	Xã Giai Xuân	19,63	65,43	18.971	237,14				X
3	Xã Mỹ Khánh	10,83	36,10	13.350	166,88				X
4	Xã Nhơn Ái	16,28	54,27	17.454	218,18				X
5	Xã Nhơn Nghĩa	21,88	72,93	21.515	268,94				X
6	Xã Tân Thới	17,82	59,40	17.908	223,85				X
7	Xã Trường Long	31,01	103,37	23.900	298,75				
VII	HUYỆN THỚI LẠI	267,01		156.163					
1	Thị trấn Thới Lai	9,69	69,21	12.894	161,18				X
2	Xã Định Môn	22,27	74,23	13.876	173,45				X
3	Xã Đông Bình	29,60	98,67	11.407	142,59				X
4	Xã Đông Thuận	31,29	104,30	13.025	162,81				X
5	Xã Tân Thành	17,35	57,83	9.125	114,06				X
6	Xã Thới Tân	18,13	60,43	8.830	110,38				X
7	Xã Thới Thành	14,67	48,90	13.711	171,39				X
8	Xã Trường Thành	19,47	64,90	14.453	180,66				X
9	Xã Trường Thắng	22,96	76,53	14.223	177,79				X
10	Xã Trường Xuân	28,99	96,63	17.695	221,19				X
11	Xã Trường Xuân A	18,68	62,27	9.066	113,33				X
12	Xã Trường Xuân B	20,27	67,57	9.403	117,54				X
13	Xã Xuân Thắng	13,64	45,47	8.455	105,69				X
VIII	HUYỆN CỎ ĐỎ	319,89		142.164					
1	Thị trấn Cỏ Đỏ	8,30	59,29	15.680	196,00				X
2	Xã Đông Hiệp	16,35	54,50	7.996	99,95				X
3	Xã Đông Thắng	16,26	54,20	5.828	72,85				X
4	Xã Thạnh Phú	99,07	330,23	21.036	262,95				
5	Xã Thới Đông	19,54	65,13	7.026	87,83				X
6	Xã Thới Hưng	69,92	233,07	18.233	227,91				

Số TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)				
7	Xã Thới Xuân	16,75	55,83	9.052	113,15				X
8	Xã Trung An	12,63	42,10	11.627	145,34				X
9	Xã Trung Hưng	35,84	119,47	25.199	314,99				X
10	Xã Trung Thành	25,23	84,10	20.487	256,09				X
IX	HUYỆN VINH THẠNH	306,74		125.598					
1	Thị trấn Thanh An	18,65	133,21	13.843	173,04				X
2	Thị trấn Vĩnh Thạnh	6,50	46,43	7.096	88,70				X
3	Xã Thanh An	45,33	151,10	9.440	118,00				X
4	Xã Thanh Lộc	36,27	120,90	14.793	184,91				X
5	Xã Thanh Lợi	43,82	146,07	9.322	116,53				X
6	Xã Thanh Mỹ	23,13	77,10	8.514	106,43				X
7	Xã Thanh Quới	35,56	118,53	18.005	225,06				X
8	Xã Thạnh Thắng	23,50	78,33	6.830	85,38				X
9	Xã Thạnh Tiến	22,97	76,57	11.455	143,19				X
10	Xã Vĩnh Bình	21,78	72,60	7.163	89,54				X
11	Xã Vĩnh Trinh	29,23	97,43	19.137	239,21				X

Ghi chú: Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ DVHC CẤP XÃ ĐẠT TIÊU CHUẨN VÀ
KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP DO CÓ YẾU TỐ ĐẶC THÙ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố
về sắp xếp DVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên DVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8
I	Huyện Phong Điền							
1	Xã Trường Long	31,01	103,37	23.900	298,75			
II	Huyện Cờ Đỏ							
1	Xã Thạnh Phú	99,07	165,12	25.699	160,62			
2	Xã Thới Hưng	69,92	116,53	19.044	119,03			
III	Quận Thốt Nốt							
1	Phường Tân Lộc	33,40	222,67	35.621	118,74			

Ghi chú: Số liệu về diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ PHƯỜNG AN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Đề án số .../ĐA-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phường an	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Phường		16							
1.1	Phường Ninh Kiều	Thành lập phường Ninh Kiều trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1.37 km ² , quy mô dân số 35.229 người của phường Tân An, toàn bộ diện tích tự nhiên 1,99 km ² , quy mô dân số 53.607 người của phường Thới Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 2,06 km ² , quy mô dân số 30.711 người của phường Xuân Khánh thuộc quận Ninh Kiều		5,42	98,55	119.547	265,66			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường an	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.2	Phường Cải Khê	Thành lập phường Cải Khê trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,79 km ² , quy mô dân số 27.271 người của phường An Hòa, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,42 km ² , quy mô dân số 30.087 người của phường Cải Khê thuộc quận Ninh Kiều và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 1,83 km ² quy mô dân số 330 người của phường Bùì Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào Cải Khê.		10,04	182,55	57.688	128,20			
1.3	Phường Tân An	Thành lập phường Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 4,67 km ² , quy mô dân số 42.509 người của phường An Khánh và toàn bộ diện tích tự nhiên 3,39 km ² , quy mô dân số 43.488 người của phường Hưng Lợi thuộc quận Ninh Kiều.		8,06	146,55	85.997	191,10			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.4	Phường An Bình	Thành lập phường An Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7.21 km ² , quy mô dân số 32.436 người của phường An Bình thuộc quận Ninh Kiều; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km ² quy mô dân số 17.617 người của xã Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,35 km ² , quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thướng A) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường An Bình.		18,39	334,36	50.150	111,44			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường cũ	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.5	Phường Thới An Đông	Thành lập phường Thới An Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 6,48 km ² , quy mô dân số 9.358 người của phường Trà An, toàn bộ diện tích tự nhiên 12,10 km ² , quy mô dân số 13.739 người của phường Thới An Đông và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,46 km ² , quy mô dân số 16.304 người của phường Trà Nóc thuộc quận Bình Thủy.		25,04	455,27	39.401	87,56			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường an	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.6	Phường Bình Thủy	Thành lập phường Bình Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 3.82 km ² , quy mô dân số 27.193 người của phường An Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,02 km ² , quy mô dân số 23.416 người của phường Bình Thủy và toàn bộ diện tích tự nhiên 5,33 km ² , quy mô dân số 11.874 người của phường Bãi Hư Nghĩa thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 mục 1 phần III văn bản này.		15,17	275,82	62.483	138,85			
1.7	Phường Long Xuyên	Thành lập phường Long Xuyên trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 14.30 km ² , quy mô dân số 21.568 người của phường Long Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,18 km ² , quy mô dân số 23.724 người của phường Long Xuyên thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh theo quy định tại khoản 4 mục 1 phần III văn bản này.		28,48	517,82	45.292	100,65			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.8	Phường Cải Răng	Thành lập phường Cải Răng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 2.43 km ² , quy mô dân số 21.626 người của phường Lê Bình, toàn bộ diện tích tự nhiên 10,66 km ² , quy mô dân số 21.558 người của phường Thưởng Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,66 km ² , quy mô dân số 7.423 người của phường Ba Láng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,13 km ² , quy mô dân số 20.499 người của phường Hưng Thành thuộc quận Cải Răng.		26,88	488,73	71.106	158.01			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.9	Phường Hưng Phú	Thành lập phường Hưng Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10.90 km ² , quy mô dân số 12.183 người của phường Tân Phú và toàn bộ diện tích tự nhiên 21.33 km ² , quy mô dân số 25.347 người của phường Phú Thù và toàn bộ diện tích tự nhiên 8.70 km ² , quy mô dân số 21.013 người của phường Hưng Phú thuộc quận Cái Răng.		40.93	744.18	58.543	130.10			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường cũ	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.10	Phường Ô Môn	Thành lập phường Ô Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,80 km ² , quy mô dân số 25.591 người của phường Châu Văn Liêm; toàn bộ diện tích tự nhiên 7,44 km ² , quy mô dân số 8.327 người của phường Thới Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,78 km ² , quy mô dân số 25.681 người của phường Thới An thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,67 km ² quy mô dân số 13.813 người của xã Thới Thạnh thuộc huyện Thới Lai.		54,69	994,36	73.412	163,14			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3.11	Phường Thới Long	Thành lập phường Thới Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,12 km ² , quy mô dân số 16.487 người của phường Long Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên 20,66 km ² , quy mô dân số 24.506 người của phường Thới Long thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 15,32 km ² , quy mô dân số 11.968 người của phường Tân Hưng thuộc quận Thốt Nốt		54,1	983,64	52.979	117,73			
1.12	Phường Phước Thới	Thành lập phường Phước Thới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 24,00 km ² , quy mô dân số 19.347 người của phường Trường Lạc và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,11 km ² quy mô dân số 27.441 người của phường Phước Thới thuộc quận Ô Môn.		53,11	965,64	46.788	103,97			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phường cũ	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.13	Phường Trưng Nhút	Thành lập phường Trưng Nhút trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,46 km ² , quy mô dân số 11.941 người của phường Thạnh Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,75 km ² , quy mô dân số 13.770 người của phường Trưng Nhút thuộc quận Thủ Đức và điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên 12,63 km ² , quy mô dân số 11.758 người của xã Trưng An thuộc huyện Củ Chi.		30,84	560,73	37.469	83,26			
1.14	Phường Thới Nốt	Thành lập phường Thới Nốt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,07 km ² , quy mô dân số 15.850 người của phường Thuận An; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km ² , quy mô dân số 25.146 người của phường Thới Thuận và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,71 km ² , quy mô dân số 20.391 người của phường Thới Nốt thuộc quận Thủ Đức sau khi điều chỉnh		23,61	429,27	61.387	136,42			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phường cũ	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực bãi đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		Thành lập phường Thuận Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 15,14 km ² , quy mô dân số 28.840 người của phường Trung Kiên; toàn bộ diện tích tự nhiên 15,05 km ² , quy mô dân số 23.249 người của phường Thuận Hưng và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,94 km ² , quy mô dân số 4.789 người (khu vực Phường Thanh 1) thuộc phường Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.		31,13	566,00	56.878	126,40			
1.16	Phường Tân Lộc	Thành lập phường Tân Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 33,40 km ² quy mô dân số 35.621 người hiện có của phường Tân Lộc thuộc huyện Thốt Nốt.		33,4	607,27	35.621	79,16			
2	Xã		16							

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.1	Xã Phong Điện	Thành lập xã Phong Điện trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,82 km ² , quy mô dân số 18.150 người của xã Tân Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 19,63 km ² , quy mô dân số 19.234 người của xã Giai Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,13 km ² quy mô dân số 14.565 người của thị trấn Phong Điện thuộc huyện Phong Điện.		45,58	151,93	51.949	324,68			
2.2	Xã Nhơn Ân	Thành lập xã Nhơn Ân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,28 km ² quy mô dân số 17.664 người của xã Nhơn Ân, toàn bộ diện tích tự nhiên 21,88 km ² , quy mô dân số 23.043 người của xã Nhơn Nghĩa thuộc huyện Phong Điện.		38,16	127,20	40.707	254,42			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.3	Xã Trường Long	Thành lập xã Trường Long trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 31,01 km ² quy mô dân số 24.064 người hiện có của xã Trường Long thuộc huyện Phong Điền.		31,01	103,37	24.064				
2.4	Xã Thới Lai	Thành lập xã Thới Lai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,13 km ² quy mô dân số 8.873 người của xã Thới Tân, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,96 km ² , quy mô dân số 14.285 người của xã Trường Thăng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,69 km ² , quy mô dân số 13.213 người của thị trấn Thới Lai thuộc huyện Thới Lai.		50,78	169,27	36.371	227,32			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.5	Xã Đông Thuận	Thành lập xã Đông Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 29,60 km ² , quy mô dân số 11.467 người của xã Đông Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 31,29 km ² , quy mô dân số 13.119 người của xã Đông Thuận thuộc huyện Thới Lai.		60,89	202,97	24.586	153,66			
2.6	Xã Trường Xuân	Thành lập xã Trường Xuân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,68 km ² , quy mô dân số 9.137 người của xã Trường Xuân A, toàn bộ diện tích tự nhiên 20,27 km ² , quy mô dân số 9.435 người của xã Trường Xuân B và toàn bộ diện tích tự nhiên 28,99 km ² , quy mô dân số 17.833 người của xã Trường Xuân thuộc huyện Thới Lai.		67,94	226,47	36.405	227,53			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.7	Xã Định Môn	Thành lập xã Định Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,35 km ² , quy mô dân số 9.278 người của xã Tân Thạnh, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,27 km ² , quy mô dân số 13.955 người của xã Định Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 19,47 km ² quy mô dân số 14.569 người của xã Trường Thành thuộc huyện Thới Lai.		59,09	196,97	37.802	236,26			
2.8	Xã Cờ Đỏ	Thành lập xã Cờ Đỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 19,54 km ² quy mô dân số 7.147 người của xã Thới Đông, toàn bộ diện tích tự nhiên 16,75 km ² , quy mô dân số 10.403 người của xã Thới Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,30 km ² , quy mô dân số 24.626 người của thị trấn Cờ Đỏ thuộc huyện Cờ Đỏ.		44,59	148,63	42.176	263,60			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.9	Xã Đông Hiệp	Thành lập xã Đông Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,26 km ² , quy mô dân số 6.211 người của xã Đông Thắng, toàn bộ diện tích tự nhiên 16,35 km ² , quy mô dân số 8.069 người của xã Đông Hiệp thuộc huyện Cờ Đỏ và toàn bộ diện tích tự nhiên 13,64 km ² , quy mô dân số 8.482 người của xã Xuân Thắng thuộc huyện Thới Lai.		46,25	154,17	22.762	142,26			
2.10	Xã Thạnh Phú	Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 99,07 km ² quy mô dân số 25.699 người hiện có của xã Thạnh Phú thuộc huyện Cờ Đỏ.		99,07	330,23	25.699	160,62			
2.11	Xã Thới Hưng	Thành lập xã Thới Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 69,92 km ² quy mô dân số 19.044 người hiện có của xã Thới Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.		69,92	233,07	19.044	119,03			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.12	Xã Trung Hưng	Thành lập xã Trung Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 25,23 km ² , quy mô dân số 29.422 người của xã Trung Thành và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,84 km ² , quy mô dân số 25.590 người của xã Trung Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.		61,07	203,57	55.012	343,83			
2.13	Xã Vĩnh Thạnh	Thành lập xã Vĩnh Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,27 km ² , quy mô dân số 14.833 người của xã Thanh Lộc; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,13 km ² , quy mô dân số 8.561 người của xã Thạnh Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,50 km ² , quy mô dân số 7.128 người của thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		65,9	219,67	30.522	190,76			

Số TT	Tên DVHC cấp xã mới	Phương án	Số DVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2.14	Xã Vĩnh Trinh	Thành lập xã Vĩnh Trinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21,78 km ² , quy mô dân số 7.616 người của xã Vĩnh Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,23 km ² , quy mô dân số 19.410 người của xã Vĩnh Trinh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		51,01	170,03	27.026	168,91			
2.15	Xã Thạnh An	Thành lập xã Thạnh An trên cơ sở nhập toàn bộ toàn bộ diện tích tự nhiên 43,82 km ² , quy mô dân số 9.335 người của xã Thạnh Lợi và toàn bộ diện tích tự nhiên 23,50 km ² , quy mô dân số 7.320 người của xã Thạnh Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 18,65 km ² , quy mô dân số 14.027 người của thị trấn Thạnh An, thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		85,97	286,57	30.682	191,76			

Số TT	Tên ĐVHC cấp xã mới	Phương án	Số ĐVHC cấp xã giảm	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Khu vực miền núi, vùng cao	Khu vực hải đảo	Yếu tố đặc thù (nếu có)
				Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2,16	Xã Thạnh Quới	Thành lập xã Thạnh Quới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 22,97 km ² , quy mô dân số 11.463 người của xã Thạnh Tiến; toàn bộ diện tích tự nhiên 45,33 km ² , quy mô dân số 9.490 người của xã Thạnh An và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,56 km ² , quy mô dân số 18.157 người của xã Thạnh Quới thuộc huyện Vĩnh Thạnh.		103,86	346,20	39.110	244,44			
				1440,4		1.498.658				

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

BẢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

(Kèm theo Đề án số .../ĐA-UBND ngày ... tháng ... năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp DVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ)

Số TT	DVHC cấp xã	Số lượng DVHC hiện nay	Số lượng DVHC đạt tiêu chuẩn không thực hiện sắp xếp	Số lượng DVHC không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù	Số lượng DVHC thực hiện sắp xếp	Số lượng DVHC sau sắp xếp	Số lượng DVHC sau sắp xếp không đạt tiêu chuẩn do có yếu tố đặc thù	Số lượng DVHC giảm sau sắp xếp
1	Xã	36	3	0	33	16	0	17
2	Phường	39	1	1	38	16	1	22
3	Thị trấn	5	0	0	5	0	0	5
	Tổng	80	4	1	76	32	1	44

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG CBCC CẤP XÃ DÔI ĐƯ VÀ PHƯƠNG AN SÁU KHI THỰC HIỆN SÁP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

(Kèm theo Duyệt án số/ĐA-LBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên ĐVHC	TỔNG CBCC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng đối dư				Phương án bổ trợ																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
															Nghị hưu chế độ						Tinh giản biên chế hoặc thời việc				Phương án khác																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
			Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHDD không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHDD không chuyên trách	Cao bộ	Công chức	Viên chức	NHDD không chuyên trách																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														

Số TT		Tên DVHC		TỔNG CBCC		Số lượng theo định mức					Số lượng hiện có					Số lượng sử dụng					Phương án bổ trợ					Phương án khác																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				

Phương án bổ trợ																											
Số TT	Tên ĐVTTC	TỔNG CĐCC	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dự định				Người học chế độ							Tinh giản hiện chế hoặc nội việc			Phương án khác		
															Số lượng theo chế độ							Tinh giản hiện chế hoặc nội việc			Phương án khác		
			Cán bộ	Kiểm chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Kiểm chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Kiểm chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Kiểm chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Kiểm chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Kiểm chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	
	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
1.3.1	Nhà Xuất Nhập Cảnh	30	12	8		12	10	8		12													9	8			
1.3	HUYỆN VINH THÁNH	236	132	104	0	158	120	99	0	143	0	0	0	0	1	0	0	0	15	7	0	0	104	92	0	0	
1.3.1	Đội Cảnh Sát An	22	12	10		15	11	10		11					1				2	1			8	9			
1.3.2	Nhà Thanh An	22	12	10		14	11	9		14									1	0			10	9			
1.3.3	Nhà Thanh Lộc	22	12	10		13	10	10		13									1	1			9	9			
1.3.4	Nhà Thanh Sơn	22	12	10		14	11	8		12									5	2			6	6			
1.3.5	Nhà Thanh Mỹ	20	12	8		14	11	8		14									1	1			10	7			
1.3.6	Nhà Thanh Quơn	19	12	10		15	11	10		15										1			11	8			
1.3.7	Nhà Thanh Thống	22	12	10		14	11	10		13									3				8	10			
1.3.8	Nhà Thanh Thuận	22	12	10		14	11	9		12									1	0			10	0			
1.3.9	Nhà Viên Truật	22	12	10		15	11	9		15													11	10			
1.3.10	Nhà Viên Bình	20	12	8		14	11	8		14									0	1			11	7			
1.3.11	Thị trấn Vinh Thuận	20	12	8		14	11	8		10									1	0			10	8			
2	Các phường:	880	461	429	0	627	423	433	0	582	0	0	0	0	3	1	0	0	63	28	0	0	357	404	0	0	
2.1	QUẬN NAM KIỆT	182	88	94	0	140	97	118	0	126	0	0	0	0	0	0	0	0	12	8	0	0	79	110	0	0	
2.1.1	Phường An Bình	23	11	12		16	10	15		15									1	2			9	11			
2.1.2	Phường An Hòa	23	11	12		16	10	12		13									3	1			7	11			
2.1.3	Phường An Khánh	23	11	12		17	10	12		14									3	1			9	10			
2.1.4	Phường Cầu Khê	23	11	12		16	11	12		11									1	0			10	11			

Phương án bổ trợ:																											
Số TT	Tên ĐƠN VỊ	CÔNG CĐCC	Số lượng theo định mức			Số lượng hiện có					Số lượng đầu tư					Nghị quyết đề nghị					Tích gộp hiện có hoặc theo yêu			Phương án khác			
			Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Tăng vọt	Viện chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách		Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách		Cán bộ	Công chức	Viện chức	NHĐ không chuyên trách			
			2	1	4	5	0	2	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
2.1.5	Phường Hàng Lợn	23	11	12		17	10	12		15									1				9	12			
2.1.6	Phường Hàng Bè	23	11	13		26	20	35		31									4	21			16	33			
2.1.7	Phường Xuân Nộn	23	11	12		16	10	12		13											2		10	10			
2.1.8	Phường Tân An	21	11	10		16	10	10		14									1				9	12			
2.2	QUẬN HẢI PHONG	184	96	88	0	119	86	83	0	109	0	0	0	0	0	0	0	0	15	6	0	0	71	77	0	0	
2.2.1	Phường An Thôn	23	12	11		15	10	11		13									1				9	11			
2.2.2	Phường Bình Tuy	23	12	11		15	11	11		13									4	4			7	7			
2.2.3	Phường Bà Triệu	23	12	11		14	12	11		14									2	1			9	10			
2.2.4	Phường Long Hòa	23	12	11		16	11	11		15									3				9	11			
2.2.5	Phường Long Xuyên	23	12	11		16	11	10		15									1	0			10	10			
2.2.6	Phường Thới An Đông	23	12	11		15	11	10		14									3	1			8	9			
2.2.7	Phường Trà An	23	12	11		14	10	8		10									1				9	8			
2.2.8	Phường Trà Nóc	23	12	11		14	11	11		13									1				10	11			
2.3	QUẬN CÁI LANG	159	84	75	0	106	76	66	0	100	0	0	0	0	2	11	0	0	0	3	9	0	66	62	0	0	
2.3.1	Phường Hàng Phố	23	12	11		18	11	10		15													8	10			
2.3.2	Phường Hàng Xanh	23	12	11		15	11	9		12													11	9			
2.3.3	Phường Lê Bình	23	12	11		15	10	10		14										2			10	8			
2.3.4	Phường Phú Thọ	23	12	11		18	11	11		18									1	1			8	10			
2.3.5	Phường Tân Phú	23	12	11		14	11	11		14									1	0			10	11			

Phương án bổ trợ																															
Số TT	Tên ĐV/VC	TỔNG CBCC	Số lượng theo định mức					Số lượng hiện có					Số lượng đối đầu					Nghị ban chức vụ					Tình trạng hiện chế hoặc bồi vực					[Phương án khác			
			Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách	Cán bộ	Công chức	Viên chức	NHĐ không chuyên trách					
	1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25					
2.3.6	Phường Hương Thinh	23	12	11		14	11	8		14										1	0			10	8						
2.3.7	Phường Ba Lang	21	13	9		12	11	7		13						1				2				9	5						
2.4	QUẬN Ô MŨN	159	84	75	0	119	74	72	0	114	0	0	0	0	0	0	0	0	11	8	0	0	63	64	0	0					
2.4.1	Phường Chuân Viên Lâm	23	13	11		17	10	11		16										1				9	11						
2.4.2	Phường Lâm Hương	23	13	11		17	11	11		17										1	1			10	9						
2.4.3	Phường Phước Hòa	23	12	11		18	11	9		17						2				1				9	8						
2.4.4	Phường Thới An	23	12	11		19	11	10		18										4	1			7	9						
2.4.5	Phường Thới Long	23	12	11		17	10	11		17										1	1			9	9						
2.4.6	Phường Trảng Lát	23	12	11		18	10	11		17										1	1			9	9						
2.4.7	Phường Thới Hòa	21	12	9		13	11	9		12										1	0			10	9						
2.5	QUẬN THỚI NOT	196	99	97	0	143	96	94	0	133	0	0	0	0	1	0	0	0	17	3	0	0	78	91	0	0					
2.5.1	Phường Tân Hưng	21	11	10		15	11	10		15														11	10						
2.5.2	Phường Tân Lộc	22	11	11		19	11	10		18										2				8	10						
2.5.3	Phường Thanh Hóa	22	11	11		15	11	11		14										1				7	11						
2.5.4	Phường Thới Nhỏ	22	11	11		16	11	11		15										5				6	11						
2.5.5	Phường Thới Thuận	22	11	11		16	11	10		16										1				8	10						
2.5.6	Phường Thuận An	21	11	10		14	10	10		14											1			10	9						
2.5.7	Phường Thuận Thành	22	11	11		16	11	10		14											1			11	9						
2.5.8	Phường Trung Kiên	22	11	11		17	10	11		16										1				9	10						

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG TRỤ SỞ CÔNG TẠỊ ĐVHC CẤP XÃ SẴU SẮP XẾP

(Kèm theo Đề án số/ĐA-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ)

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Đổi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
1	Phường Ninh Kiều	3	0	3						3	Trụ sở UBND quận Ninh Kiều
2	Phường Cái Khế	2	1	1						1	
3	Phường Tân An	2	1	1						1	
4	Phường An Bình	2	1	1						1	
5	Phường Thới An Đông	3	1	2						2	
6	Phường Bình Thủy	3	0	3						3	Trụ sở UBND quận Bình Thủy
7	Phường Long Tuyền	2	1	1						1	

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình					Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Đổi dư	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029	
8	Phường Cải Ràng	4	0	4						4	Trụ sở UBND ủy - UBND quận Cải Ràng (cũ)
9	Phường Hưng Phú	3	0	3						3	Trụ sở UBND quận Cải Ràng (mới)
10	Phường Ô Môn	4	0	4						4	Trụ sở UBND quận Ô Môn
11	Phường Thới Long	3	1	2						2	
12	Phường Phước Thới	2	1	1						1	
13	Phường Trung Nhứt	3	1	1						1	
14	Phường Thốt Nốt	3	0	3						3	Trụ sở Quận ủy Thốt Nốt
15	Phường Thuận Hưng	2	0	2						2	Trụ sở UBND quận Thốt Nốt
16	Phường Tân Lộc	1	1	0						0	
17	Xã Phong Điền	3	0	3						3	Trụ sở Huyện ủy Phong Điền
18	Xã Nhơn Ái	2	1	1						1	

Số TT	Tên cấp xã	Số lượng	Phương án sắp xếp, xử lý			Lộ trình						Ghi chú
			Tiếp tục sử dụng	Đổi địa	Phương án khác	2025	2026	2027	2028	2029		
19	Xã Trường Long	1	1	0						0		
20	Xã Thới Lai	3	0	3						3	Trụ sở Huyện ủy Thới Lai	
21	Xã Đông Thuận	2	1	1						1		
22	Xã Trường Xuân	3	1	2						2		
23	Xã Định Môn	3	1	2						2		
24	Xã Cờ Đỏ	3	0	3						3	Trụ sở Huyện ủy Cờ Đỏ	
25	Xã Đông Hiệp	3	1	2						2		
26	Xã Thanh Phú	1	1	0						0		
27	Xã Thới Hưng	1	1	0						0		
28	Xã Trung Hưng	2	1	1						1		
29	Xã Vĩnh Thạnh	3	0	3						3	Trụ sở UBND huyện Vĩnh Thạnh	
30	Xã Vĩnh Trinh	2	1	1						1		
31	Xã Thạnh An	3	1	2						2		
32	Xã Thạnh Quới	2	1	1						1		
Tổng		80	21	57						57		

**BẢN TÓM TẮT NỘI DUNG ĐỀ ÁN SẮP XẾP
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Phần I

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ**

I. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Thành phố Cần Thơ hiện có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận: Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng, Ô Môn, Thốt Nốt và 04 huyện: Vĩnh Thạnh, Cờ Đỏ, Thới Lai, Phong Điền; có 80 ĐVHC cấp xã (36 xã, 39 phường và 5 thị trấn). Đối chiếu thực trạng các ĐVHC trên địa bàn thành phố với các tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của ĐVHC cấp xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022; căn cứ các quy định có liên quan và các số liệu diện tích tự nhiên và quy mô dân số tính đến 31 tháng 12 năm 2024, thành phố Cần Thơ gồm có 76 ĐVHC cấp xã (gồm 33 xã, 38 phường và 05 thị trấn) thuộc diện thực hiện sắp xếp. Trong đó, có 03 xã đã đảm bảo tiêu chuẩn của ĐVHC cấp xã hình thành sau sắp xếp và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

2. Để thực hiện chủ trương của Đảng và các quy định của Nhà nước, UBND thành phố Cần Thơ xây dựng Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã có ý nghĩa vô cùng cấp thiết cả về mặt lý luận, chủ trương của Đảng, Nhà nước và thực tiễn nhằm tổ chức hợp lý ĐVHC cấp xã của thành phố phù hợp với thực tiễn và xu thế phát triển chung của cả nước; đảm bảo hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở địa phương tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức được nâng lên, giảm chi ngân sách; dân số và diện tích của ĐVHC phù hợp với quy định; phát huy nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân; đảm bảo quốc phòng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành phố.

Phần II

HIỆN TRẠNG ĐVHC CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. HIỆN TRẠNG ĐVHC CÁC CẤP CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Tỉnh (thành phố)

- a) Diện tích tự nhiên¹: 1.440,40 (km²);
- b) Quy mô dân số²: 1.498.658 (người). Trong đó: dân số thực tế thường trú có 1.360.126 người, dân số tạm trú quy đổi có 138.532 người;
- c) Số lượng ĐVHC cấp huyện: có 09 ĐVHC cấp huyện trực thuộc, gồm 05 quận và 04 huyện;
- d) Số lượng ĐVHC cấp xã: có 80 ĐVHC cấp xã, gồm 36 xã, 39 phường và 05 thị trấn.
- 2. Số lượng ĐVHC cấp xã thực hiện sắp xếp:** có 76 ĐVHC cấp xã (gồm 33 xã, 38 phường và 05 thị trấn).
- 3. Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp**
- Tổng số: có 04 ĐVHC cấp xã, trong đó:
- a) Số lượng ĐVHC cấp xã đủ tiêu chuẩn không phải thực hiện sắp xếp: có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã³) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã theo quy định.
- b) Số lượng ĐVHC cấp xã không thực hiện sắp xếp do có yếu tố đặc thù: có 01 ĐVHC cấp xã (01 phường)⁴.

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thành lập phường Ninh Kiều trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,37 km², quy mô dân số 35.229 người của phường Tân An, toàn bộ diện tích tự nhiên 1,99 km², quy mô dân số 53.607 người của phường Thới Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 2,06 km², quy mô dân số 30.711 người của phường Xuân Khánh thuộc quận Ninh Kiều

* Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Ninh Kiều có diện tích tự nhiên 5,42 km² (đạt 98,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 119.547 người (đạt 265,66 % so với tiêu chuẩn).
- Phường Ninh Kiều giáp các phường Cái Khế, Hưng Phú, Tân An,
- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Ninh Kiều: tại UBND quận Ninh Kiều.

2. Thành lập phường Cái Khế trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 1,79 km², quy mô dân số 27.271 người của phường An Hòa, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,42 km², quy mô dân số 30.087 người của phường Cái Khế thuộc quận Ninh Kiều và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 1,83 km², quy mô dân số 330 người của phường Bùi Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào Cái Khế.

¹ Theo nguồn số liệu thống kê đất đai tính đến 31 tháng 12 năm 2024 do Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ cung cấp.

² Theo nguồn số liệu dân số thực tế thường trú và dân số tạm trú quy đổi tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 do Công an thành phố Cần Thơ cung cấp.

³ Xã Trường Long trên có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

⁴ Phường Tân Lộc có diện tích tự nhiên: 33,40 km² và quy mô dân số 35.621 người.

* Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Cái Khế có diện tích tự nhiên 10,04 km² (đạt 182,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 57.688 người (đạt 128,20 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Cái Khế giáp các phường Bình Thủy, Tân An, Ninh Kiều, Hưng Phú và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của ĐVHC phường Cái Khế: tại UBND phường An Hòa.

3. Thành lập phường Tân An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 4,67 km², quy mô dân số 42.509 người của phường An Khánh và toàn bộ diện tích tự nhiên 3,39 km², quy mô dân số 43.488 người của phường Hưng Lợi thuộc quận Ninh Kiều.

* Kết quả sau sắp xếp:

- Phường Tân An có diện tích tự nhiên 8,06 km² (đạt 146,55 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 85.997 người (đạt 191,10 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Tân An giáp các phường Cái Khế, Ninh Kiều, An Bình, Long Tuyền, Bình Thủy, Hưng Phú và Cái Răng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tân An: tại UBND phường Hưng Lợi.

4. Thành lập phường An Bình trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,21 km², quy mô dân số 32.436 người của phường An Bình thuộc quận Ninh Kiều; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 17.617 người của xã Mỹ Khánh thuộc huyện Phong Điền và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,35 km², quy mô dân số 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thường A) thuộc quận Bình Thủy để nhập vào phường An Bình.

* Kết quả sau sắp xếp:

- Phường An Bình có diện tích tự nhiên 18,39 km² (đạt 334,36 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 50.150 người (đạt 111,44 % so với tiêu chuẩn).

- Phường An Bình giáp các phường Tân An, Cái Răng, Long Tuyền và các xã Nhơn Ái, Phong Điền.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường An Bình: tại UBND phường An Bình.

5. Thành lập phường Thới An Đông trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 6,48 km², quy mô dân số 9.358 người của phường Trà An, toàn bộ diện tích tự nhiên 12,10 km², quy mô dân số 13.739 người của phường Thới An Đông và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,46 km², quy mô dân số 16.304 người của phường Trà Nóc thuộc quận Bình Thủy.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thới An Đông có diện tích tự nhiên 25,04 km², (đạt 455,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 39.401 người (đạt 87,56 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới An Đông giáp các phường Phước Thới, Bình Thủy, Long Tuyền, xã Phong Điền và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thới An Đông: tại UBND phường Thới An Đông.

...the ...
...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

...the ...
...the ...
...the ...

6. Thành lập phường Bình Thủy trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 3,82 km², quy mô dân số 27.193 người của phường An Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 6,02 km², quy mô dân số 23.416 người của phường Bình Thủy và toàn bộ diện tích tự nhiên 5,33 km², quy mô dân số 11.874 người của phường Bửu Hữu Nghĩa thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh⁵ theo quy định tại khoản 2 mục I phần III văn bản này.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Bình Thủy có diện tích tự nhiên 15,17 km² (đạt 275,82 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 62.483 người (đạt 138,85 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Bình Thủy giáp các phường Thới An Đông, Cái Khế, Tân An, Long Tuyền và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Bình Thủy: tại UBND quận Bình Thủy.

7. Thành lập phường Long Tuyền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 14,30 km², quy mô dân số 21.568 người của phường Long Hòa và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,18 km², quy mô dân số 23.724 người của phường Long Tuyền thuộc quận Bình Thủy sau khi điều chỉnh⁶ theo quy định tại khoản 4 mục I phần III văn bản này.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Long Tuyền có diện tích tự nhiên 28,48 km² (đạt 517,82 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 45.292 người (đạt 100,65 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Long Tuyền giáp các phường Thới An Đông, Bình Thủy, Tân An, An Bình và xã Phong Điền.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Long Tuyền: tại UBND phường Long Tuyền.

8. Thành lập phường Cái Răng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 2,43 km², quy mô dân số 21.626 người của phường Lê Bình, toàn bộ diện tích tự nhiên 10,66 km², quy mô dân số 21.558 người của phường Thường Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,66 km², quy mô dân số 7.423 người của phường Ba Láng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,13 km², quy mô dân số 20.499 người của phường Hưng Thạnh thuộc quận Cái Răng.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Cái Răng có diện tích tự nhiên 26,88 km² (đạt 488,73 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 71.106 người (đạt 158,01 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Cái Răng giáp các phường An Bình, Tân An, Hưng Phú, Nhơn Ái và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Cái Răng: tại Quận ủy - UBND quận Cái Răng (cũ).

9. Thành lập phường Hưng Phú trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 10,90 km², quy mô dân số 12.183 người của phường Tân Phú; toàn bộ diện tích tự

⁵ Một phần diện tích tự nhiên: 1,83 km², dân số: 330 người của Bửu Hữu Nghĩa (khu vực 2, 3) về phường Ninh Kiều.

⁶ Một phần diện tích tự nhiên: 0,35 km², dân số: 97 người của phường Long Tuyền (một phần khu vực Bình Thới A) về phường An Bình.

nhiên 21,33 km², quy mô dân số 25.347 người của phường Phú Thử và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,70 km², quy mô dân số 21.013 người của phường Hưng Phú thuộc quận Cái Răng.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Hưng Phú có diện tích tự nhiên 40,93 km² (đạt 744,18 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 58.543 người (đạt 130,10 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Hưng Phú giáp các phường Ninh Kiều, Cái Khế, Tân An, Cái Răng và tỉnh Hậu Giang, tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Hưng Phú: tại UBND quận Cái Răng (mới).

10. Thành lập phường Ô Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,80 km², quy mô dân số 25.591 người của phường Châu Văn Liêm; toàn bộ diện tích tự nhiên 7,44 km², quy mô dân số 8.327 người của phường Thới Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,78 km², quy mô dân số 25.681 người của phường Thới An thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 14,67 km², quy mô dân số 13.813 người của xã Thới Thạnh thuộc huyện Thới Lai.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Ô Môn có diện tích tự nhiên 54,69 km² (đạt 994,36 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 73.412 người (đạt 163,14 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Ô Môn giáp các phường Thới Long, Định Môn, Phước Thới và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Ô Môn: tại UBND quận Ô Môn.

11. Thành lập phường Thới Long trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,12 km², quy mô dân số 16.487 người của phường Long Hưng và toàn bộ diện tích tự nhiên 20,66 km², quy mô dân số 24.506 người của phường Thới Long thuộc quận Ô Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 15,32 km², quy mô dân số 11.968 người của phường Tân Hưng thuộc quận Thốt Nốt.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thới Long có diện tích tự nhiên 54,10 km² (đạt 983,64 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 52.979 người (đạt 117,73 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới Long giáp các phường Ô Môn, Thuận Hưng, Tân Lộc và các xã Thới Hưng, Trung Hưng, Định Môn và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thới Long: tại UBND phường Long Hưng.

12. Thành lập phường Phước Thới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 24,00 km², quy mô dân số 19.347 người của phường Trường Lạc và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,11 km², quy mô dân số 27.441 người của phường Phước Thới thuộc quận Ô Môn.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Phước Thới có diện tích tự nhiên 53,11 km² (đạt 965,64 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 46.788 người (đạt 103,97 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Phước Thới giáp các phường Ô Môn, Thới An Đông, xã Phong Điền, xã Định Môn, tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Vĩnh Long.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Phước Thới: tại UBND phường Phước Thới.

13. Thành lập phường Trung Nhứt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 7,46 km², quy mô dân số 11.941 người của phường Thạnh Hòa; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,75 km², quy mô dân số 13.770 người của phường Trung Nhứt thuộc quận Thốt Nốt và điều chỉnh toàn bộ diện tích tự nhiên 12,63 km², quy mô dân số 11.758 người của xã Trung An thuộc huyện Cờ Đỏ.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Trung Nhứt có diện tích tự nhiên 30,84 km² (đạt 560,73 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 37.469 người (đạt 83,26 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Trung Nhứt giáp các phường Thốt Nốt, Thuận Hưng và các xã Trung Hưng, Vĩnh Thạnh và Vĩnh Trinh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Trung Nhứt: tại UBND phường Thạnh Hòa.

14. Thành lập phường Thốt Nốt trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 8,07 km², quy mô dân số 15.850 người của phường Thuận An; toàn bộ diện tích tự nhiên 10,83 km², quy mô dân số 25.146 người của phường Thới Thuận và toàn bộ diện tích tự nhiên 4,71 km², quy mô dân số 20.391 người của phường Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt sau khi điều chỉnh⁷ theo quy định tại khoản 15 mục I phần III văn bản này thuộc quận Thốt Nốt.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thốt Nốt có diện tích tự nhiên 23,61 km² (đạt 429,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 61.387 người (đạt 136,42 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới Thuận giáp các phường Tân Lộc, Trung Nhứt, Thuận Hưng, xã Vĩnh Trinh, tỉnh An Giang và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thốt Nốt: tại Quận ủy Thốt Nốt.

15. Thành lập phường Thuận Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 15,14 km², quy mô dân số 28.840 người của phường Trung Kiên; toàn bộ diện tích tự nhiên 15,05 km², quy mô dân số 23.249 người của phường Thuận Hưng và điều chỉnh một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người (khu vực Phụng Thạnh 1) thuộc phường Thốt Nốt thuộc quận Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Thuận Hưng có diện tích tự nhiên 31,13 km² (đạt 566,0 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 56.878 người (đạt 126,40 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Thới Thuận giáp các phường Tân Lộc, Thới Long, Trung Nhứt, Thốt Nốt và xã Trung Hưng.

⁷ Một phần diện tích tự nhiên 0,94 km², quy mô dân số 4.789 người của phường Thốt Nốt để nhập vào phường Thuận Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Thuận Hưng: tại UBND quận Thốt Nốt.

16. Thành lập phường Tân Lộc trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 33,40 km², quy mô dân số 35.621 người hiện có của phường Tân Lộc thuộc huyện Thốt Nốt.

* Kết quả sau sắp xếp

- Phường Tân Lộc có diện tích tự nhiên 33,40 km² (đạt 607,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 35.621 người (đạt 79,16 % so với tiêu chuẩn).

- Phường Tân Lộc giáp các phường Thới Long, Thuận Hưng, Thốt Nốt và tỉnh Đồng Tháp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của phường Tân Lộc: tại UBND phường Tân Lộc.

17. Thành lập xã Phong Điền trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,82 km², quy mô dân số 18.150 người của xã Tân Thới, toàn bộ diện tích tự nhiên 19,63 km², quy mô dân số 19.234 người của xã Giai Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,13 km², quy mô dân số 14.565 người của thị trấn Phong Điền thuộc huyện Phong Điền.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Phong Điền có diện tích tự nhiên 45,58 km² (đạt 151,93 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 51.949 người (đạt 324,68 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Phong Điền giáp các phường Phước Thới, Thới An Đông, Long Tuyền, An Bình và các xã Nhơn Ái, Trường Long, Định Môn.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Phong Điền: tại Huyện ủy Phong Điền.

18. Thành lập xã Nhơn Ái trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,28 km², quy mô dân số 17.664 người của xã Nhơn Ái và toàn bộ diện tích tự nhiên 21,88 km², quy mô dân số 23.043 người của xã Nhơn Nghĩa thuộc huyện Phong Điền.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Nhơn Ái có diện tích tự nhiên 38,16 km² (đạt 127,20 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 40.707 người (đạt 254,42 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Nhơn Ái giáp các phường An Bình, Cái Răng và các xã Trường Long, Phong Điền và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Nhơn Ái: tại UBND xã Nhơn Nghĩa.

19. Thành lập xã Trường Long trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người hiện có của xã Trường Long thuộc huyện Phong Điền.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trường Long có diện tích tự nhiên 31,01 km² (đạt 103,37 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.064 người (đạt 150,40 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Trường Long giáp các xã Nhơn Ái, Phong Điền, Định Môn và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trường Long: tại UBND xã Trường Long.

20. Thành lập xã Thới Lai trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,13 km², quy mô dân số 8.873 người của xã Thới Tân, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,96 km², quy mô dân số 14.285 người của xã Trường Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 9,69 km², quy mô dân số 13.213 người của thị trấn Thới Lai thuộc huyện Thới Lai.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thới Lai có diện tích tự nhiên 50,78 km² (đạt 169,27 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.371 người (đạt 227,32 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thới Lai giáp các xã Định Môn, Trường Xuân, Đông Thuận và Đông Hiệp.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thới Lai: tại Huyện ủy Thới Lai.

21. Thành lập xã Đông Thuận trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 29,60 km², quy mô dân số 11.467 người của xã Đông Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 31,29 km², quy mô dân số 13.119 người của xã Đông Thuận thuộc huyện Thới Lai.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đông Thuận có diện tích tự nhiên 60,89 km² (đạt 202,97 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 24.586 người (đạt 153,66 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Đông Thuận giáp các xã Trường Xuân, Thới Lai, Đông Hiệp, Cờ Đỏ và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đông Thuận: tại UBND xã Đông Thuận.

22. Thành lập xã Trường Xuân trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 18,68 km², quy mô dân số 9.137 người của xã Trường Xuân A, toàn bộ diện tích tự nhiên 20,27 km², quy mô dân số 9.435 người của xã Trường Xuân B và toàn bộ diện tích tự nhiên 28,99 km², quy mô dân số 17.833 người của xã Trường Xuân thuộc huyện Thới Lai.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trường Xuân có diện tích tự nhiên 67,94 km² (đạt 226,47 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 36.405 người (đạt 227,53 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Trường Xuân giáp các xã Đông Thuận, Thới Lai, Định Môn, tỉnh Hậu Giang và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trường Xuân: tại UBND xã Trường Xuân.

23. Thành lập xã Định Môn trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 17,35 km², quy mô dân số 9.278 người của xã Tân Thạnh, toàn bộ diện tích tự nhiên 22,27 km², quy mô dân số 13.955 người của xã Định Môn và toàn bộ diện tích tự nhiên 19,47 km², quy mô dân số 14.569 người của xã Trường Thành thuộc huyện Thới Lai.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Định Môn có diện tích tự nhiên 59,09 km² (đạt 196,97 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 37.802 người (đạt 236,26 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Định Môn giáp các phường Ô Môn, Phước Thới, Thới Long và các xã Phong Điền, Trường Long, Thới Lai, Trường Xuân, Đông Hiệp, Thới Hưng và tỉnh Hậu Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Định Môn: tại UBND xã Định Môn.

24. Thành lập xã Cờ Đỏ trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 19,54 km², quy mô dân số 7.147 người của xã Thới Đông; toàn bộ diện tích tự nhiên 16,75 km², quy mô dân số 10.403 người của xã Thới Xuân và toàn bộ diện tích tự nhiên 8,30 km², quy mô dân số 24.626 người của thị trấn Cờ Đỏ thuộc huyện Cờ Đỏ.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Cờ Đỏ có diện tích tự nhiên 44,59 km² (đạt 148,63 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 42.176 người (đạt 263,60 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Cờ Đỏ giáp các xã Đông Hiệp, Đông Thuận, Thạnh Phú, Thới Hưng và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Cờ Đỏ: tại Huyện ủy Cờ Đỏ.

25. Thành lập xã Đông Hiệp trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 16,26 km², quy mô dân số 6.211 người của xã Đông Thắng; toàn bộ diện tích tự nhiên 16,35 km², quy mô dân số 8.069 người của xã Đông Hiệp thuộc huyện Cờ Đỏ và toàn bộ diện tích tự nhiên 13,64 km², quy mô dân số 8.482 người của xã Xuân Thắng thuộc huyện Thới Lai.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Đông Hiệp có diện tích tự nhiên 46,25 km² (đạt 154,17 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 22.762 người (đạt 142,26 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Đông Hiệp giáp các xã Thới Lai, Định Môn, Thới Hưng, Cờ Đỏ và Đông Thuận.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Đông Hiệp: tại UBND xã Đông Hiệp.

26. Thành lập xã Thạnh Phú trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người hiện có của xã Thạnh Phú thuộc huyện Cờ Đỏ.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km² (đạt 330,23 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 25.699 người (đạt 160,62 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thạnh Phú giáp các xã Trung Hưng, Thới Hưng, Cờ Đỏ, Thạnh An, Thạnh Quới, Vĩnh Thạnh và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thạnh Phú: tại UBND xã Thạnh Phú.

27. Thành lập xã Thới Hưng trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người hiện có của xã Thới Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km² (đạt 233,07 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 19.044 người (đạt 119,03 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thới Hưng giáp các phường Thới Long và các xã Định Môn, Đông Hiệp, Cờ Đỏ, Thạnh Phú và Trung Hưng.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thới Hưng: tại UBND xã Thới Hưng.

28. Thành lập xã Trung Hưng trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 25,23 km², quy mô dân số 29.422 người của xã Trung Thạnh và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,84 km², quy mô dân số 25.590 người của xã Trung Hưng thuộc huyện Cờ Đỏ.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Trung Hưng có diện tích tự nhiên 61,07 km² (đạt 203,57 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 55.012 người (đạt 343,83 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Trung Hưng giáp các phường Trung Nhứt, Thuận Hưng, Thới Long và các xã Thới Hưng, Thạnh Phú, Vĩnh Thạnh.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Trung Hưng: tại UBND xã Trung Hưng.

29. Thành lập xã Vĩnh Thạnh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 36,27 km², quy mô dân số 14.833 người của xã Thạnh Lộc; toàn bộ diện tích tự nhiên 23,13 km², quy mô dân số 8.561 người của xã Thạnh Mỹ và toàn bộ diện tích tự nhiên 6,50 km², quy mô dân số 7.128 người của thị trấn Vĩnh Thạnh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vĩnh Thạnh có diện tích tự nhiên 65,90 km² (đạt 219,67 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.522 người (đạt 190,76 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Vĩnh Thạnh giáp các xã Vĩnh Trinh, Trung Hưng, Thạnh Phú, Thạnh Quới, phường Trung Nhứt và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Thạnh: tại UBND huyện Vĩnh Thạnh.

30. Thành lập xã Vĩnh Trinh trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 21,78 km², quy mô dân số 7.616 người của xã Vĩnh Bình và toàn bộ diện tích tự nhiên 29,23 km², quy mô dân số 19.410 người của xã Vĩnh Trinh thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Vĩnh Trinh có diện tích tự nhiên 51,01 km² (đạt 170,03 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 27.026 người (đạt 168,91 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Vĩnh Trinh giáp các phường Thốt Nốt, Trung Nhứt, xã Vĩnh Thạnh và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Vĩnh Trinh: tại UBND xã Vĩnh Trinh.

31. Thành lập xã Thạnh An trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 43,82 km², quy mô dân số 9.335 người của xã Thạnh Lợi và toàn bộ diện tích tự nhiên 23,50 km², quy mô dân số 7.320 người của xã Thạnh Thắng và toàn bộ diện tích tự nhiên 18,65 km², quy mô dân số 14.027 người của thị trấn Thạnh An, thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thạnh An có diện tích tự nhiên 85,97 km² (đạt 286,57 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 30.682 người (đạt 191,76 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thạnh An giáp các xã Thạnh Quới, Thạnh Phú và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh An: tại UBND thị trấn Thanh An.

32. Thành lập xã Thanh Quới trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên 22,97 km², quy mô dân số 11.463 người của xã Thanh Tiến; toàn bộ diện tích tự nhiên 45,33 km², quy mô dân số 9.490 người của xã Thanh An và toàn bộ diện tích tự nhiên 35,56 km², quy mô dân số 18.157 người của xã Thanh Quới thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

* Kết quả sau sắp xếp

- Xã Thanh Quới có diện tích tự nhiên 103,86 km² (đạt 346,20 % so với tiêu chuẩn), quy mô dân số 39.110 người (đạt 244,44 % so với tiêu chuẩn).

- Xã Thanh Quới giáp các xã Vĩnh Thạnh, Thanh Phú, Thanh An và tỉnh An Giang.

- Nơi đặt trụ sở làm việc của xã Thanh Quới: tại UBND xã Thanh Quới.

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SÁP ĐVHC CẤP XÃ CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ

1. Số lượng ĐVHC cấp xã trước khi sắp xếp: thành phố Cần Thơ có 80 ĐVHC cấp xã (gồm: 36 xã, 39 phường và 05 thị trấn).

2. Số lượng ĐVHC cấp xã sau khi sắp xếp: thành phố Cần Thơ còn 32 ĐVHC cấp xã (gồm 16 phường, 16 xã).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã giảm do sắp xếp: thành phố Cần Thơ giảm 44 ĐVHC cấp xã (gồm 17 xã, 22 phường và 05 thị trấn); có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã⁸) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định.

III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SÁP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SÁP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Việc bố trí, sử dụng trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC thực hiện theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền;

2. Cấp chính quyền địa phương nơi dự kiến bố trí trụ sở hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động, cân đối, bố trí nguồn ngân sách để đầu tư, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ cho hoạt động của ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp;

3. Sắp xếp, bố trí nhà ở công vụ cho đội ngũ CBCC, NLĐ của các ĐVHC cùng sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại ĐVHC mới sau sắp xếp.

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Việc thực Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ là cần thiết, cơ bản đáp ứng theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII một số vấn đề về tiếp tục

⁸ Xã Trường Long trên có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thanh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.

đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; Nghị quyết số .../2025/UBTVQH15 ngày... tháng... năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và nhằm để điều chỉnh lại diện tích tự nhiên, dân số cho phù hợp với Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của ĐVHC và phân loại ĐVHC, Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

2. Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ là hoàn toàn phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương của Trung ương, thành phố. Khi sắp xếp ĐVHC cấp xã, thành phố Cần Thơ giảm 44 ĐVHC cấp xã (gồm 17 xã, 22 phường và 05 thị trấn); có 03 ĐVHC cấp xã (03 xã⁹) đã đảm bảo tiêu chuẩn của xã và 01 phường không thực hiện sắp xếp do có vị trí biệt lập theo quy định; đồng thời, giảm số lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, tạo điều kiện giảm chi ngân sách nhà nước, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho ĐVHC cấp xã mới thành lập.

Trên đây là tóm tắt Đề án sắp xếp ĐVHC cấp xã của thành phố Cần Thơ./.

⁹ Xã Trường Long trên có diện tích tự nhiên 31,01 km², quy mô dân số 24.064 người; xã Thạnh Phú có diện tích tự nhiên 99,07 km², quy mô dân số 25.699 người; xã Thới Hưng có diện tích tự nhiên 69,92 km², quy mô dân số 19.044 người.